

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao
hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Nghị quyết số 58 NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

Căn cứ Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 03/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Kết luận số 563-KL/TU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy về Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 162/KH-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 03/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 170/TTr-SNN&PTNT ngày 12/8/2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Một là, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả để đạt tiêu chí có hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp đang hoạt động hiệu quả và HTX mới thành lập.

Hai là, phát triển HTX nông nghiệp phải dựa vào nội lực của HTX là chính, nhà nước hỗ trợ về mặt thể chế, cơ chế chính sách và một phần ngân sách nhằm tạo điều kiện cho HTX nông nghiệp phát triển.

Ba là, ưu tiên hỗ trợ phát triển các HTX nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị trong nông nghiệp: Các HTX nông nghiệp chuyên sâu gắn với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn; các HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; các HTX tiêu thụ nông sản và các HTX sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gắn với sản phẩm OCOP của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp cả về quy mô và chất lượng hoạt động, trong đó đặc biệt chú trọng đến nâng cao chất lượng hoạt động, hỗ trợ thành viên thông qua việc nâng cao nhận thức của toàn dân về kinh tế tập thể, HTX; đồng thời, tăng cường năng lực của các HTX nông nghiệp để phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác, hỗ trợ thành viên và cộng đồng khu vực; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thành viên và người lao động trong HTX.

Tập trung phát triển các HTX chuyên ngành gắn với chuỗi giá trị trong nông nghiệp: Các HTX nông nghiệp chuyên sâu gắn với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn; các HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản và các HTX sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với sản phẩm OCOP của tỉnh; đẩy mạnh phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp - HTX - hộ nông dân gắn với liên kết 5 nhà trong sản xuất nông nghiệp (nhà nông - nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà băng).

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thành lập mới 81 HTX nông nghiệp, thu hút thêm khoảng 8.100 thành viên tham gia;

- 100% số HTX nông nghiệp tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012;

- 80% số HTX hoạt động từ loại khá trở lên và cơ bản không còn HTX hoạt động yếu kém; 100% cán bộ quản lý HTX đều qua đào tạo với số cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 55%, số cán bộ có trình độ sơ, trung cấp chiếm 45%;

- Doanh thu, lợi nhuận bình quân của HTX tăng 5% so với năm liền kề trước đó;

- 80% số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể khác để tiêu thụ sản phẩm; 34 HTX phát triển chuyên sâu theo từng lĩnh vực; 91 HTX có sản phẩm OCOP;

- Xây dựng 86 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững (đối với 11 huyện miền núi: 02 mô hình/huyện; các huyện còn lại: 04 mô hình/huyện).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức tuyên truyền, học tập quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế hợp tác

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới, phát triển HTX theo Luật HTX năm 2012 đối với hệ thống cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và toàn xã hội nhằm thúc đẩy mạnh mẽ việc phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trong thời gian tới với nội dung và phương thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng. Tiếp tục tuyên truyền đến các thành viên HTX và người dân về các quy định, chủ trương, chính sách pháp luật của Trung ương và tỉnh đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp; mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, để nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên HTX, người dân và triển khai các chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Đề án đã đề ra. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp ban hành Kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu của Đề án.

2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế nông thôn

Tập trung đẩy mạnh phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020; Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 28/2/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chương trình trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025; từ đó, tạo điều kiện xuất hiện nhu cầu hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Xây dựng và triển khai kế hoạch củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả để đạt tiêu chí có hiệu quả

Tập trung rà soát tình hình hoạt động và những khó khăn, vướng mắc của 221 HTX nông nghiệp trung bình, yếu và 65 HTX mới thành lập; từ đó có các biện pháp cụ thể giúp các HTX nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đạt tiêu chí hiệu quả, theo hướng:

- Hướng dẫn các HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó đẩy mạnh chuyển đổi phương thức hoạt động từ dịch vụ đầu vào sang sản xuất hàng hóa, đưa giống mới có năng suất, chất lượng tốt vào sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để sản xuất theo theo tiêu chuẩn an toàn và kết nối sản xuất gắn với tiêu thụ ổn định.

- Tập trung chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị, sản xuất cho cán bộ quản lý HTX và thành viên thông qua đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo nghề, thí điểm đưa cán bộ HTX và thành viên HTX đi làm việc ở nước ngoài.

- Kết nối với các doanh nghiệp thực hiện liên kết với HTX để đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ để HTX vay vốn tín dụng và tiếp cận được với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, nhất là tiếp cận Quỹ phát triển HTX và Quỹ hỗ trợ phát triển kinh tế của Hội nông dân để phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tổ chức sản xuất.

- Tạo điều kiện cho các HTX tham gia hoạt động một số dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng nông thôn mới như: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi; nước sinh hoạt nông thôn, bảo vệ môi trường, chợ nông thôn, ngành nghề nông thôn để các HTX tăng thêm việc làm và thu nhập cho các thành viên.

4. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp đang hoạt động hiệu quả

Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của 413 HTX nông nghiệp đang hoạt động có hiệu quả; cụ thể:

- Hướng dẫn và hỗ trợ các HTX rà soát, nâng cao chất lượng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó tập trung vào các nội dung: Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, lựa chọn cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao đưa vào sản xuất; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, công nghệ cao, sản xuất hữu cơ.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, sản xuất cho cán bộ và thành viên HTX.

- Tạo điều kiện cho các HTX vay vốn vay tín dụng và tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất.

- Quan tâm hỗ trợ xây dựng các mô hình sơ chế, đóng gói, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu hàng hóa để nâng cao giá trị sản phẩm, tạo thị trường đầu ra ổn định, định hướng cho các hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông sản.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết với doanh nghiệp. Phát huy vai trò đầu tàu của các HTX đang phát triển mạnh để hỗ trợ các HTX khác cùng liên kết, hợp tác với doanh nghiệp và tiêu thụ nông sản có hiệu quả.

5. Phát triển và tạo điều kiện cho 81 HTX nông nghiệp mới thành lập hoạt động có hiệu quả

- Lựa chọn các sản phẩm chủ lực của từng vùng, từng địa phương để thúc đẩy thành lập các HTX chuyên sâu nhằm tổ chức lại sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tạo ra lợi thế cạnh tranh cao cho các sản phẩm của địa phương.

- củng cố các HTX đã có và phát triển thành lập mới các HTX nông nghiệp gắn với sản phẩm đặc trưng làng, xã theo lợi thế của từng vùng; các HTX áp dụng sản xuất theo hướng công nghệ cao, mô hình sản xuất cây, con đặc sản... theo hướng tạo ra giá trị gia tăng cao trong sản xuất. Ưu tiên các doanh nghiệp liên kết với HTX để tổ chức sản xuất, liên kết với nông dân để thành lập HTX nhằm tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp, đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức quản lý vào sản xuất.

- Trên cơ sở “Chương trình mỗi xã một sản phẩm”, lựa chọn những sản phẩm đặc thù cho làng xã ở các vùng để vận động thành lập các HTX nông nghiệp gắn với sản phẩm OCOP của địa phương: Lựa chọn các Tổ hợp tác đang

hoạt động có hiệu quả để vận động nâng lên HTX hoạt động có hiệu quả; vận động những chủ trang trại có quy mô sản xuất tương đối lớn để tuyên truyền, vận động cùng nhau thành lập HTX. Đối với các sản phẩm sản xuất ở nhiều nông hộ thì tập trung vận động những người nông dân và người lao động sản xuất giỏi (có thể là các trưởng thôn, bản) có kinh nghiệm, uy tín đối với cộng đồng để đứng ra làm sáng lập viên thành lập HTX.

6. Thúc đẩy ứng dụng Công nghệ thông tin trong HTX nông nghiệp

- Lựa chọn các giải pháp chuyển đổi số phù hợp để thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số trong các HTX nhằm chuyển đổi trong quản lý, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

- Nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình HTX nông nghiệp chuyển đổi số để hỗ trợ và nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

7. Phát huy vai trò hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế hộ của HTX

Tiếp tục phát huy tốt vai trò của các HTX nông nghiệp là “bà đỡ” hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển bằng việc thực hiện tốt các dịch vụ như: Thủy lợi, sản xuất, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, cung ứng vật tư, khuyến nông, làm đất, bảo vệ thực vật, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, thể hiện vai trò vừa dẫn dắt, vừa lôi kéo kinh tế hộ cá thể vào HTX; hướng người nông dân vào HTX kiểu mới để sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, có giá trị gia tăng, hướng đến xuất khẩu.

8. Giải pháp về cơ chế, chính sách đối với HTX nông nghiệp

8.1. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương

a) Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể

Căn cứ khoản 2 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ quản lý và thành viên HTX nông nghiệp; cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể cấp huyện.

- Điều kiện hỗ trợ: Được cử đi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị.

- Nội dung hỗ trợ: Chi phí đi lại, mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo quy định của chế độ tài chính hiện hành và bảo hiểm (nếu có).

- Số lượng tham gia: 4.950 lượt người.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

- + *Đối với cán bộ quản lý và thành viên HTX:* Ngân sách Trung ương đảm bảo 100% chi phí đi lại, tổ chức lớp học, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù

lao giảng viên; tham quan, khảo sát và mua tài liệu học tập; 90% chi phí ăn, ở trong quá trình tham gia lớp bồi dưỡng;

+ *Đối với cán bộ làm công tác quản lý nhà nước cấp huyện, xã:* Ngân sách Trung ương đảm bảo 100% chi phí đi lại, tổ chức lớp học, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát và mua tài liệu học tập; chi phí ăn, ở trong quá trình tham gia lớp bồi dưỡng.

+ Tổng kinh phí: 15.920 triệu đồng.

b) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Căn cứ khoản 4 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ: HTX nông nghiệp sản xuất ra sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, sản phẩm OCOP.

- Nội dung hỗ trợ: Kinh phí chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Số lượng tham gia: 75 HTX.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách trung ương hỗ trợ 100%;

+ Tổng kinh phí: $75 \text{ HTX} \times 200 \text{ triệu đồng/HTX} = 15.000 \text{ triệu đồng}$.

c) Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

Căn cứ khoản 5 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, có tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành;

+ HTX căn cứ vào nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi chính quyền địa phương nơi HTX tổ chức sản xuất, kinh doanh; hàng năm, UBND cấp huyện tổng hợp nhu cầu hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định;

+ Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm phải phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của thành viên, được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp (bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).

+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của HTX nông nghiệp trên biển.

- Số lượng tham gia: 115 HTX.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ 2.400 triệu đồng cho 01 HTX (tương đương 80% tổng kinh phí của dự án, 20% còn lại là đối ứng của HTX).

+ Tổng kinh phí hỗ trợ: 276.000 triệu đồng.

8.2. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh

a) Hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp

Căn cứ khoản 1 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Người dân có nhu cầu thành lập HTX.

- Nội dung hỗ trợ: Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX. Hỗ trợ, tư vấn xây dựng điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh cho HTX.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách tỉnh đảm bảo 100%;

+ Tổng kinh phí: $81 \text{ HTX} \times 20 \text{ triệu đồng/HTX} = 1.620 \text{ triệu đồng}$.

b) Chính sách đất đai

- Tập trung hỗ trợ các HTX nông nghiệp được tiếp cận chính sách đất đai, để đến năm 2025 có 100% HTX nông nghiệp được thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ các HTX nông nghiệp tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn theo Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 11/01/2019

của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát hiện trạng sử dụng đất của các HTX nông nghiệp trên địa bàn, đối với các HTX chưa có trụ sở làm và các HTX thành lập mới, đề cập nhật nhu cầu sử dụng đất vào Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, làm cơ sở thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững

- Đối tượng hỗ trợ: Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ: HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến sản phẩm, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững.

- Số lượng tham gia: 86 HTX.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ 750 triệu đồng/mô hình;

+ Tổng kinh phí: 86 mô hình x 750 triệu đồng/mô hình = 64.500 triệu đồng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

- Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT: 15.920 triệu đồng;

+ Bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX: 12.480 triệu đồng;

+ Bồi dưỡng thành viên HTX: 2.495 triệu đồng;

+ Bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT: 945 triệu đồng.

Trong đó: Ngân sách Trung ương: 15.920 triệu đồng.

- Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: 15.000 triệu đồng.

Trong đó: Ngân sách Trung ương: 15.920 triệu đồng.

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm: 345.000 triệu đồng.

Trong đó: + Ngân sách Trung ương: 276.000 triệu đồng;

+ HTX đối ứng: 69.000 triệu đồng.

- Thành lập mới HTX nông nghiệp: 1.620 triệu đồng.

Trong đó: Ngân sách tỉnh: 1.620 triệu đồng.

- Xây dựng mô hình: 81.700 triệu đồng;

Trong đó: + Ngân sách tỉnh: 64.500 triệu đồng;

+ HTX đối ứng: 17.200 triệu đồng.

Tổng kinh phí: 459.240 triệu đồng (*Bốn trăm năm mươi chín tỷ, hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*).

<i>Trong đó:</i>	- Ngân sách nhà nước:	373.040 triệu đồng;
	+ Ngân sách Trung ương:	306.920 triệu đồng;
	+ Ngân sách tỉnh:	66.120 triệu đồng.
	- HTX đối ứng:	86.200 triệu đồng.

Phân nguồn từng năm:

- Năm 2021: 91.518 triệu đồng;	- Năm 2022: 92.488 triệu đồng;
- Năm 2023: 91.718 triệu đồng;	- Năm 2024: 91.758 triệu đồng;
- Năm 2025: 91.758 triệu đồng.	

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch và kinh phí hỗ trợ các địa phương thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, cán bộ quản lý và thành viên HTX; tổ chức học tập các mô hình HTX liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, HTX ứng dụng công nghệ cao và HTX phát triển các sản phẩm OCOP.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn các HTX nông nghiệp và chỉ đạo xây dựng mô hình phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX tại các huyện. Đến hết năm 2025 tổng kết rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn các HTX nông nghiệp để hỗ trợ kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

- Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện các công việc được giao; chủ trì tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ vào đối tượng, tiêu chí, định mức theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Đề án theo quy định và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

3. Liên minh HTX tỉnh: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý và thành viên HTX theo chương trình khung của Liên minh HTX Việt

Nam; đào tạo nguồn nhân lực lâu dài cho HTX; hỗ trợ các HTX tham gia hội chợ xúc tiến thương mại hàng năm do Liên minh HTX Việt Nam tổ chức; tư vấn thành lập mới và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả cho các HTX; hỗ trợ các HTX nông nghiệp vay vốn từ Quỹ hỗ trợ quốc gia việc làm, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Trung ương và tỉnh.

4. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Đề án đã được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan thẩm định dự toán chi tiết kinh phí thực hiện hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Đồng thời, hướng dẫn các HTX nông nghiệp thực hiện đúng các quy định về tài chính, kế toán.

5. Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện các chính sách hỗ trợ các HTX nông nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh. Hỗ trợ HTX nông nghiệp tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các HTX nông nghiệp lập hồ sơ thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng trụ sở làm việc; mở rộng diện tích đất thuê theo quy định.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn các HTX nông nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm, bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; triển khai có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ đối với các HTX nông nghiệp.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân trên địa bàn tỉnh về mục đích, ý nghĩa và các nội dung nhiệm vụ của Đề án. Phối hợp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hướng dẫn, thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của HTX nông nghiệp.

9. Sở Tư pháp: Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật HTX đối với các HTX nông nghiệp; giúp đỡ các địa phương về công tác tổ chức, công tác quản lý nhà nước để đảm bảo các HTX nông nghiệp được vận hành theo đúng Luật HTX.

10. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện Đề án.

11. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa: Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai thực hiện các chính sách tín dụng đối với HTX, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp tiếp cận nguồn vốn, mở rộng sản

xuất. Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, đảm bảo an toàn, lành mạnh.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền đến các thành viên HTX và Nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế tập thể; mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Đề án Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, để nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên HTX, người dân và triển khai các chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Đề án đã đề ra.

- Tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng các HTX nông nghiệp, chậm nhất 31/12/2021 phải giải thể xong các HTX nông nghiệp đã dừng hoạt động; xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn, giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp đặc thù của địa phương.

- Chủ động kêu gọi xúc tiến đầu tư, nhất là kêu gọi xúc tiến các doanh nghiệp liên kết với HTX để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; lồng ghép các cơ chế, chính sách để thu hút doanh nghiệp liên kết với HTX.

- Hướng dẫn và chỉ đạo các phòng ban chuyên môn và UBND các xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của Luật HTX năm 2012, tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp tự chủ trong việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, đảm bảo cân đối thu - chi.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý tồn tại liên quan đến hoạt động của HTX: Thực hiện việc thống kê đúng, đủ, kịp thời các chỉ tiêu về phát triển kinh tế tập thể, HTX, đánh giá và phân loại đúng thực trạng hoạt động của HTX; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.

13. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Thanh Hóa và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia có hiệu quả vào quá trình phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp; tham gia tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTX, xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả, mô hình thanh niên khởi nghiệp trong phát triển HTX; tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

14. Đề nghị các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; thường xuyên cập nhật, dành thời lượng thỏa đáng để đưa tin về các mô hình tốt, các điển hình tiên tiến, để kịp thời động viên, khuyến khích học tập các mô hình, các điển hình trong phát triển HTX nông nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

ĐỀ ÁN

**Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

Thanh Hóa là tỉnh có số HTX nông nghiệp cao thứ 3 trong cả nước với 699 HTX đang hoạt động (chiếm 4,3% tổng số HTX trong cả nước). Trong giai đoạn 2016 - 2020, hoạt động của các HTX nông nghiệp đã góp phần quan trọng trong việc phát triển sản xuất kinh doanh của hộ thành viên và nông dân trên địa bàn; phát huy tốt vai trò hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển bằng việc thực hiện tốt các dịch vụ như: Thủy lợi, sản xuất, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, cung ứng vật tư, khuyến nông, làm đất, bảo vệ thực vật, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm; đã phát triển được các mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới làm ăn có hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều HTX nông nghiệp lúng túng trong công tác vận hành bộ máy; năng lực nội tại vẫn còn hạn chế, các mô hình HTX điển hình tiên tiến được nhân rộng còn ít; nguồn lực đầu tư từ các chính sách còn hạn chế, số HTX được đầu tư chưa nhiều, số vốn hỗ trợ cho các HTX còn thấp.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, các chủ trương, cơ chế chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp được triển khai khá đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, như: Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020; Quyết định 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015 - 2020 ..., đã tác động tích cực đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển HTX nông nghiệp của tỉnh; trên cơ sở định hướng và nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, nhiều HTX nông nghiệp đã phát triển thành viên, huy động thêm vốn góp, phát triển kinh doanh, mở rộng các khâu dịch vụ kinh doanh (cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; liên kết với các doanh nghiệp để thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị...).

Ngày 13/11/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1804/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025, với mục tiêu hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tập thể, HTX cả về chiều rộng và chiều sâu, trong đó đặc biệt chú trọng đến nâng cao

chất lượng hoạt động, hỗ trợ thành viên thông qua việc nâng cao nhận thức toàn dân về kinh tế tập thể, HTX; đồng thời, tăng cường năng lực của các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nhằm phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác, hỗ trợ thành viên và cộng đồng khu vực; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là kinh tế hộ nông dân trong điều kiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Do vậy, để tiếp tục phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp mà trọng tâm đó là phát huy vai trò của HTX nông nghiệp trong quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, công nghiệp hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu liên kết hợp tác trong sản xuất hàng hóa lớn trong cách mạng công nghiệp 4.0; đồng thời, cụ thể hóa nội dung Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản của Trung ương

- Luật HTX ngày 20/11/2012;
- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;
- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025.

2. Văn bản của tỉnh

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 03/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Kết luận số 563-KL/TU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2025;

- Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động thực hiện Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 03/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Đề án tập trung đánh giá: Tình hình hoạt động của các HTX nông nghiệp, giai đoạn 2016-2020; kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng

Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 - 2025.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HTX NÔNG NGHIỆP VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HTX NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HTX NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Về số lượng và tổ chức bộ máy HTX

1.1. Số lượng

Thanh Hóa là tỉnh có số HTX nông nghiệp cao thứ 3 trong cả nước với 744 HTX; trong đó, 699 HTX đang hoạt động, 45 HTX tạm dừng hoạt động; số HTX thành lập mới giai đoạn 2016-2020 là 179 HTX (riêng năm 2020 là 65 HTX); số HTX xếp loại tốt là 130 HTX, số HTX xếp loại khá là 283 HTX, số HTX xếp loại trung bình là 200 HTX, số HTX yếu kém là 21 HTX, HTX chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại là 65 HTX, 45 HTX tạm dừng hoạt động không thực hiện đánh giá.

1.2. Bộ máy quản lý và số lượng thành viên HTX

Tổng số cán bộ quản lý HTX là 3.487 người, bình quân 05 người/HTX; trong đó, số cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 888 người (chiếm 25,47%), số cán bộ quản lý có trình độ sơ cấp và trung cấp là 1.509 người (chiếm 43,27%), 615 người có chứng chỉ tập huấn và nghề (chiếm 17,64%) và 475 người chưa qua đào tạo (chiếm 13,62%). Về độ tuổi của cán bộ quản lý: Có 2.359 người trên 40 tuổi (chiếm 67,65%), 1.128 người dưới 40 tuổi (chiếm 32,35%). Tổng số thành viên HTX nông nghiệp là 69.682 người, bình quân 100 thành viên/HTX; tổng số lao động thường xuyên là 17.112 người, bình quân 24 người/HTX.

2. Về hoạt động dịch vụ của HTX

Về hình thức hoạt động: Có 35 HTX trực tiếp sản xuất (tập trung vào các sản phẩm như rau an toàn, dưa công nghệ cao, gà, lợn, tôm, ngao); 373 HTX chỉ thực hiện các loại hoạt động dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ công và dịch vụ cạnh tranh), 291 HTX vừa sản xuất, vừa làm các khâu dịch vụ.

Về ngành nghề hoạt động: Có 254 HTX lĩnh vực trồng trọt, chiếm 36,3%; 14 HTX lĩnh vực chăn nuôi, chiếm 2%; 16 HTX lĩnh vực lâm nghiệp, chiếm 2,28%; 02 HTX lĩnh vực diêm nghiệp, chiếm 0,28%; 08 HTX lĩnh vực thủy sản, chiếm 1,14%; 405 HTX dịch vụ tổng hợp, chiếm 58%.

Về mức độ cung cấp các dịch vụ: HTX thấp nhất là 01 khâu dịch vụ, nhiều nhất là 12 khâu dịch vụ, cụ thể: 586 HTX tham gia dịch vụ thủy lợi nội đồng, đạt 83,83%; 594 HTX làm dịch vụ cung ứng vật tư, đạt 85,0%; 566 HTX làm dịch vụ cung ứng giống, đạt 81,0%; 311 HTX làm dịch vụ làm đất, đạt 44,5%; 488 HTX làm dịch vụ bao tiêu sản phẩm, đạt 69,8%; 400 HTX làm các dịch vụ khác (mạ khay, máy cấy, vệ sinh môi trường, chế biến nông lâm sản,...), đạt 57,2%.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh

3.1. Vốn và tài sản của HTX

Bình quân giá trị tài sản của HTX tăng từ 1.176 triệu đồng/HTX năm 2015 lên 1.758 triệu đồng/HTX năm 2020. Các tài sản của HTX nông nghiệp chủ yếu gồm: Công trình điện, hệ thống thủy lợi, các loại máy móc, thiết bị và cơ sở sản xuất, chế biến. Tỷ lệ giá trị tài sản cố định/tổng tài sản của HTX là 43%, giảm 29,8% so với năm 2015 (do các HTX đã từng bước hoạt động đúng theo Luật HTX 2012 với việc các thành viên góp cổ phần, góp vốn để tham gia sản xuất kinh doanh). Trong những năm gần đây, nhất là giai đoạn xây dựng nông thôn mới, nhiều HTX đã mạnh dạn đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng với giá trị lớn để đưa vào dịch vụ sản xuất kinh doanh như: Đầu tư kho lạnh, ô tô vận chuyển sản phẩm...

Nguồn vốn hình thành ban đầu của các HTX nông nghiệp hầu hết là từ nguồn của HTX cũ chuyển sang; tổng số vốn của HTX là 569.539 triệu đồng (tăng 282.609 triệu đồng so với năm 2015), bình quân 815 triệu đồng/HTX

(trong đó, số vốn điều lệ bình quân/HTX là 412 triệu đồng, tăng 19 triệu đồng/HTX so với năm 2015).

3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Về doanh thu: Tổng doanh thu năm 2020 của các HTX đạt 1.020.853 triệu đồng, doanh thu bình quân của một HTX là 1.460 triệu đồng (*tăng gấp 1,49 lần so với năm 2015*); trong đó, thu từ hoạt động dịch vụ công: 240.971 triệu đồng, chiếm 23,6%; thu từ dịch vụ cạnh tranh 779.882 triệu đồng, chiếm 76,4%;

Về lợi nhuận: Lợi nhuận của các HTX nông nghiệp năm 2020 là 115.303 triệu đồng (*tăng 79.295 triệu đồng so với năm 2015*), bình quân đạt 165 triệu đồng/HTX (bình quân tăng 74 triệu đồng/HTX). Lợi nhuận bình quân của các HTX tăng dần qua các năm do các HTX sau khi chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 đã tích cực mở rộng các loại hình dịch vụ kinh doanh.

3.3. Tiền công, tiền lương

Lương của cán bộ quản lý HTX nông nghiệp gồm lương cố định trên cơ sở nguồn thu cố định từ các hoạt động dịch vụ công và tỷ lệ lợi nhuận thu được từ các hoạt động dịch vụ, sản xuất - kinh doanh. Đối với Giám đốc: Mức lương trung bình là 3,5 triệu đồng/người/tháng (*cao nhất là 7 triệu đồng/tháng; thấp nhất là 1 triệu đồng/tháng*). Đối với Kế toán trưởng: Mức lương trung bình là 2,8 triệu đồng/người/tháng (*cao nhất là trên 6 triệu đồng/tháng; thấp nhất là 800 nghìn đồng/tháng*). Đối với Trưởng ban kiểm soát: Mức lương trung bình là 1,8 triệu đồng/người/tháng (*cao nhất là trên 3 triệu đồng/tháng; thấp nhất là 700 nghìn đồng/tháng*).

Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên là thành viên HTX trong HTX năm 2020 đạt 2,7 triệu đồng/người/tháng (*tăng 1,53 triệu đồng/người/tháng so với năm 2015*); thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên nhưng không là thành viên HTX trong HTX năm 2020 đạt 1,7 triệu đồng/người/tháng.

4. Kết quả liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Trong giai đoạn 2016 - 2020, sau khi chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX 2012, các HTX nông nghiệp đã chủ động tìm kiếm, hợp tác với các doanh nghiệp, các HTX bạn để liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Đến nay, có 413 HTX tham gia liên kết bền vững, chiếm 59,1% số HTX nông nghiệp toàn tỉnh (*tập trung chủ yếu ở các xã đạt chuẩn nông thôn mới*). Các HTX này đã có sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp - HTX - Hộ sản xuất, chủ động tìm kiếm bạn hàng (*các doanh nghiệp, các HTX tiêu thụ sản phẩm*) để ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản; ký kết thỏa thuận với các hộ sản xuất để bao tiêu sản phẩm. Điển hình như chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ mía đường với Công ty CP mía đường Lam Sơn và Công ty CP mía đường Việt Đài; chuỗi liên kết sản xuất lúa gạo với Công ty Giống cây trồng trung ương, Công ty thương mại Sao Khuê; chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm dưa vàng Kim Hoàng hậu trong nhà màng giữa Công ty CP mía đường Lam Sơn với các HTX thuộc các huyện Thọ Xuân,

Ngọc Lặc, Thường Xuân, giữa HTX dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp Đông Tiến với các HTX sản xuất dưa vàng Kim Hoàng hậu trên địa bàn tỉnh; chuỗi liên kết sản xuất rau an toàn giữa HTX dịch vụ nông nghiệp Phú Lộc và Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao...

Việc liên kết tiêu thụ sản phẩm, hoặc trực tiếp làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm của các HTX nông nghiệp đã giúp nông dân tránh được tình trạng bị ép giá, nâng cao giá trị sản phẩm, lợi nhuận và hiệu quả sản xuất, nhất là đối với những hộ nông dân thiếu kinh nghiệm và thiếu vốn đầu tư. Tuy nhiên diện tích, sản lượng liên kết của các HTX còn ít, thời hạn hợp đồng ngắn, giá trị hợp đồng chưa cao. Mặt khác do sản xuất còn ở quy mô nhỏ lẻ nên chất lượng sản phẩm không đồng đều dẫn đến giá cả tiêu thụ còn thấp.

5. Kết quả ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất và tiêu thụ nông sản của các HTX nông nghiệp

- Về ứng dụng công nghệ cao: Toàn tỉnh hiện có 70 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Công nghệ được các HTX nông nghiệp ứng dụng nhiều gồm: công nghệ "Tưới nước nhỏ giọt, tưới phun mưa, kết hợp bón phân qua nước theo công nghệ NETA-FIM" cho cây cam, cây mía; lựa chọn các giống mới năng suất hiệu quả cao sức chống chịu sâu bệnh tốt để đưa vào sản xuất; sản xuất dưa trong nhà màng, nhà lưới; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng thực nghiệm khoa học vào sản xuất nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP cho cây rau; sản xuất nông nghiệp không hóa chất trong cây lúa, cây rau, chăn nuôi lợn, gà; sản xuất rau, quả trong nhà màng, nhà lưới; xây dựng các nhà sơ chế sản phẩm và kho lạnh bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Về cơ giới hóa nông nghiệp: Toàn tỉnh có 1.093 máy kéo cỡ lớn, 6.758 máy kéo cỡ trung, 15.456 máy kéo cỡ nhỏ, 13.908 máy bơm, 722 máy cấy lúa, 2.831 máy gặt đập liên hợp, 9.005 máy xay xát lúa gạo, 6.360 máy nghiền thức ăn gia súc, 846 máy sấy nông sản, 16.567 máy chế biến lương thực, 7.405 máy chế biến gỗ, 119 máy chế biến thủy sản, 07 máy thu hoạch mía, 893 trạm bơm tưới tiêu cho 80% diện tích lúa; 26,1% diện tích mía và diện tích cây trồng hàng năm 52%. Tỷ lệ cây trồng chính được áp dụng cơ giới: Lúa (làm đất 97%, gieo trồng 24,6%, thu hoạch 81,9%, vận chuyển 91%); ngô (làm đất 84%, gieo trồng 2,6%, thu hoạch 60,6%, vận chuyển 73,2%); lạc (làm đất 91%, gieo trồng 0,36%, thu hoạch 35%, vận chuyển 86%); đậu tương (làm đất 65%, thu hoạch 07%, vận chuyển 53%); mía (làm đất 99,8%, gieo trồng 11%, thu hoạch 11,2%, vận chuyển 78,2%); sắn (làm đất 67,4%, gieo trồng 0%, thu hoạch 0%, vận chuyển 21,3%); khoai lang (làm đất 72,7%, gieo trồng 1,08%, thu hoạch 0%, vận chuyển 74,4%).

Về cơ bản, các HTX nông nghiệp đã tham gia trực tiếp (mua sắm máy móc, thiết bị trực tiếp thực hiện cơ giới hóa đồng bộ) hoặc liên kết với nhau để thực hiện các khâu dịch vụ như làm đất, mạ khay - máy cấy, thu hoạch... Theo

thống kê, toàn tỉnh có trên 50% các HTX nông nghiệp tham gia thực hiện cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

6. Tình hình các HTX đang sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm có tiềm năng phát triển sản phẩm OCOP

Thực hiện Quyết định số 5363/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030, các HTX trên địa bàn đã tích cực tham gia vào Chương trình. Trong lĩnh vực nông nghiệp, có 19 sản phẩm chủ lực, trên 160 sản phẩm, nhóm sản phẩm khác nhau do các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, làng nghề và hộ gia đình trong tỉnh sản xuất, trong đó có trên 65 HTX nông nghiệp tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm có tiềm năng phát triển sản phẩm OCOP. Các loại sản phẩm OCOP chính của HTX bao gồm: gạo đặc sản, nấm, con nuôi đặc sản,... Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã có 09 HTX nông nghiệp tham gia sản xuất với 13 sản phẩm OCOP được công nhận, xếp hạng, 12 HTX có sản phẩm được dán tem truy xuất nguồn gốc (chiếm 1,7% tổng số HTX).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HTX NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Tổng quan các cơ chế, chính sách về HTX, giai đoạn 2016 - 2020

1.1. Các cơ chế, chính sách của Trung ương

- Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho cán bộ quản lý và thành viên HTX nông nghiệp theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;

- Hỗ trợ HTX nông nghiệp phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

- Hỗ trợ HTX nông nghiệp phát triển sản phẩm đặc thù theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

1.2. Các cơ chế, chính sách của địa phương

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 11/01/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020;

- Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn ở các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020.

2. Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tổng kinh phí thực hiện các chính sách phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là 308.075 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ là 237.340 triệu đồng (nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 223.664 triệu đồng; Nguồn vốn đầu tư là 199.550 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp là 24.114 triệu đồng; nguồn vốn trung ương khác là 1.176 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 12.500 triệu đồng); nguồn vốn hỗ trợ của huyện, xã, đối ứng của các HTX là 70.735 triệu đồng. Đồng thời, thực hiện Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng trong phát triển nông thôn, trong giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh đã có 26 HTX nông nghiệp được vay vốn với tổng vốn vay 32.400 triệu đồng; Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh thực hiện cho các HTX nông nghiệp vay với tổng số vốn là 29.948 triệu đồng.

Các chính sách hỗ trợ các HTX nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động của các HTX: Các HTX phát triển đa dạng về hình thức và quy mô; cơ sở hạ tầng của các HTX đã được cải thiện rõ rệt, trình độ, năng lực của Ban quản lý HTX được nâng lên, cán bộ trẻ được bố trí về làm việc tại HTX đã phát huy được kiến thức chuyên môn cũng như tính năng động trong quá trình tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ của các HTX, các mô hình được hỗ trợ đã có những chuyển biến trong hoạt động kinh doanh.

2.1. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Đã tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho 5.180 lượt cán bộ quản lý HTX nông nghiệp (Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban kiểm soát; Kế toán trưởng), thành viên HTX nông nghiệp và cán bộ làm công tác quản lý

nhà nước về kinh tế tập thể, với tổng nguồn kinh phí là 10.071 triệu đồng. Đến nay toàn tỉnh có hơn 70% cán bộ quản lý thuộc ba chức danh trong HTX nông nghiệp đã qua ít nhất một lượt tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành HTX. Thông qua nguồn kinh phí tập huấn, bồi dưỡng, đã truyền tải các nội dung về quản lý và phát triển HTX, cập nhật các văn bản pháp luật và các ứng dụng khoa học trong sản xuất nông nghiệp; góp phần nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý HTX. Bên cạnh đó, còn tổ chức cho các HTX đi tham quan, học tập mô hình điển hình ở các địa phương về công tác tổ chức, hoạt động dịch vụ, ngành nghề, công nghệ sản xuất... Qua đó, đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đến nay, có hơn 75% số HTX đã thực sự chủ động được trong việc xây dựng và triển khai phương án sản xuất kinh doanh, khoảng trên 10% HTX đã ứng dụng được công nghệ tin học vào trong quản lý, điều hành, kinh doanh...

2.2. Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Từ nguồn kinh phí dự phòng Ngân sách Nhà nước Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, đã có 74 HTX được chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng với tổng nguồn ngân sách hỗ trợ 199.550 triệu đồng: Đã hỗ trợ đầu tư xây dựng 39 tuyến đường giao thông nội đồng với tổng vốn hỗ trợ 99.550 triệu đồng; 31 tuyến kênh mương với tổng vốn hỗ trợ 83.100 triệu đồng; 03 công trình nhà kho, sân phơi với tổng mức hỗ trợ là 10.200 triệu đồng; 02 xưởng bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch với tổng mức hỗ trợ 6.700 triệu đồng.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách về khuyến khích sản xuất và hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, như: Khuyến khích phát triển giao thông nông thôn; kiên cố hóa giao thông, kênh mương nội đồng, hạ tầng nuôi trồng thủy sản, hạ tầng làng nghề; khuyến khích đầu tư các chợ; hỗ trợ đầu tư lưới điện nông thôn...

Nhìn chung, việc hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đã tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp có trụ sở làm việc, giao dịch với khách hàng; sản phẩm sau khi thu hoạch có nhà sơ chế, bảo quản đảm bảo chất lượng nông sản, chất lượng các hoạt động dịch vụ thủy lợi, dịch vụ sau thu hoạch được nâng cao; phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung góp phần nâng cao giá trị sản phẩm. Tuy nhiên, chính sách này chậm triển khai trong thực tế (Quyết định số 2261/QĐ-TTg được ban hành ngày 15/12/2014 nhưng đến năm 2018 mới được bố trí kinh phí để triển khai các nội dung hỗ trợ hạ tầng cho HTX). Số lượng HTX được thụ hưởng chính sách rất ít, các dự án hỗ trợ có quy mô nhỏ, chủ yếu tập trung hỗ trợ cho từng HTX gắn với quy mô hoạt động cấp xã, làm hạn chế tiềm năng liên kết vùng, nâng cao quy mô và sức cạnh tranh cũng như hiệu quả khai thác của công trình hỗ trợ.

2.3. Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Công tác vận động, hỗ trợ và tổ chức cho các HTX tham gia các Hội chợ, triển lãm thương mại do các Bộ, ngành và địa phương tổ chức được quan tâm,

như: Hội chợ làng nghề, Hội nghị kết nối cung cầu, Hội chợ xúc tiến thương mại và công nghệ HTX; hỗ trợ 100% kinh phí thuê gian hàng tại các hội chợ triển lãm của tỉnh qua đó để các HTX có thêm cơ hội tìm kiếm thị trường, đối tác.

2.4. Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Hỗ trợ đào tạo nghề cho 1.950 lao động tại 16 HTX với kinh phí hỗ trợ 1.385 triệu đồng. Ngoài ra, thông qua việc triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh tại các địa phương, trạm, trại hỗ trợ cho các HTX trong việc tiếp cận và ứng dụng khoa học và kỹ thuật công nghệ mới.

2.5. Chính sách đất đai

Đến nay, toàn tỉnh có 456 HTX nông nghiệp được giao đất, cho thuê đất, quy hoạch vị trí đất để xây dựng trụ sở (chiếm 65,24% tổng số HTX); trong đó, có 45 HTX đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chiếm 6,4% tổng số HTX) với tổng diện tích là 12.748 m²; 302 HTX đang được thuê, mượn đất làm trụ sở với tổng diện tích là 202.793 m²; các HTX còn lại hiện đang mượn phòng làm việc trong công sở xã hoặc trụ sở chung trước đây với công sở xã hoặc giao dịch tại trụ sở nhà riêng của thành viên HTX. Về đất xây dựng nhà kho, cửa hàng kinh doanh và trưng bày sản phẩm, có 19 HTX được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 25.087 m², 136 HTX được thuê, mượn đất với tổng diện tích là 91.978 m². Ngoài ra, có 113 HTX thuê đất để đầu tư phát triển sản xuất theo hướng xây dựng cánh đồng mẫu lớn, hiện đang tập trung vào lĩnh vực sản xuất rau an toàn, mạ khay - máy cấy với tổng diện tích 11.818.977 m².

2.6. Chính sách tín dụng

Thực hiện Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng trong phát triển nông thôn, trong giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh đã có 26 HTX nông nghiệp được vay vốn với tổng vốn vay 32.400 triệu đồng, trong đó: 18 HTX vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT với số vốn 31.000 triệu đồng; 08 HTX vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội với số vốn 1.400 triệu đồng.

Từ nguồn vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh: Đã tư vấn, hỗ trợ các HTX nông nghiệp xây dựng phương án, dự án và cho 56 HTX nông nghiệp vay với tổng số tiền là 29.948 triệu đồng để đầu tư phương tiện vận chuyển, nhà màng, nhà lưới, xưởng sản xuất mạ khay, máy sấy, dây chuyền sản xuất nấm, mở rộng sản xuất kinh doanh,... qua đó tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp có nguồn vốn để đầu tư, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho thành viên và người lao động.

2.7. Chính sách về thuế

Về chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: 100% HTX nông nghiệp của tỉnh đã được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ trực tiếp phục vụ đời sống thành viên.

2.8. Kết quả thực hiện Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015 - 2020

Thực hiện Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật HTX; tham mưu triển khai các chính sách hỗ trợ HTX phát triển và ban hành nhiều văn bản đơn đốc, chỉ đạo và đi kiểm tra thực tế tại các HTX; rà soát những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân trong quá trình chuyển đổi, tổ chức lại hoạt động; trên cơ sở đó đề ra biện pháp tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện; hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung bố trí nguồn lực hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động cho các HTX nông nghiệp, lồng ghép việc hỗ trợ các HTX nông nghiệp thông qua việc thực hiện Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 và các chính sách có liên quan khác; tổ chức đi khảo sát, lựa chọn các HTX đủ điều kiện tham gia thí điểm xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới. UBND cấp huyện, thị xã, thành phố đã tập trung củng cố lại hoạt động của các HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 (củng cố lại bộ máy quản lý, phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh...), hỗ trợ các HTX đầu tư máy móc thực hiện cơ giới hóa đồng bộ; có cơ chế ưu tiên mời gọi các doanh nghiệp thực hiện liên kết bao tiêu sản phẩm; phát triển các chuỗi sản phẩm bền vững; lồng ghép với các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để thực hiện hỗ trợ một số HTX trên địa bàn đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ cây con giống,... nhằm phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Từ nguồn kinh phí thực hiện Đề án: Đã hỗ trợ xây dựng 25 mô hình đạt 100% kế hoạch được giao (mỗi năm xây dựng 5 mô hình, trong đó, các mô hình năm 2016 có 570 hộ tham gia trên diện tích 160 ha; năm 2017 có 281 hộ tham gia trên diện tích 157 ha; năm 2018 có 500 hộ tham gia trên diện tích 372 ha; năm 2019 có 300 hộ tham gia trên diện tích 310 ha; năm 2020 có 270 hộ tham gia trên diện tích 152ha); tổng vốn thực hiện 23.220,496 triệu đồng; trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 12.500 triệu đồng, các HTX đối ứng 10.720,496 triệu đồng; các hạng mục đầu tư: Cơ giới hóa, phát triển kết cấu hạ tầng. Các HTX đã phát triển, mở rộng quy mô và các dịch vụ hoạt động như: Sản xuất rau an toàn, xây dựng vùng cây ăn quả tập trung quy mô lớn, phát triển cơ giới hóa, liên kết bao tiêu sản phẩm;...

Sau khi thực hiện mô hình, các HTX đã phát triển, mở rộng các dịch vụ hoạt động (*trung bình mỗi HTX tăng từ 1,5 khâu dịch vụ*), các loại dịch vụ tăng lên chủ yếu là: Sản xuất rau an toàn, phát triển cơ giới hóa, liên kết bao tiêu sản phẩm ... Doanh thu của các HTX tăng dần qua các năm, trung bình từ 1.115 triệu đồng/HTX năm 2016 lên 2.476/HTX năm 2020 (*tốc độ tăng đạt 5,2%*); thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong các HTX được nâng lên, trung bình đạt 4,13 triệu đồng/người/tháng (*tăng 1,18 triệu đồng so với năm 2016*). Nhiều

hộ thành viên được hưởng lợi từ mô hình; bình quân giá các dịch vụ khi thực hiện mô hình giảm từ 20% - 30% so với bên ngoài. Các mô hình đã được các HTX bạn đến tham quan, học tập để về triển khai thực hiện.

Việc hỗ trợ kích cầu của Nhà nước cũng tạo điều kiện tăng tài sản cố định của HTX, giúp các HTX tăng vốn sản xuất kinh doanh và mở rộng các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; gia tăng nguồn lực để đầu tư cho lĩnh vực hoạt động khác. Từ đó, tạo cơ hội để tổ chức, hoạt động phù hợp với Luật HTX năm 2012; đồng thời, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX và tăng thu nhập của lao động trong HTX. Từ kết quả bước đầu đã đạt được của mô hình, đến nay các HTX tham gia thí điểm đều đã mở rộng quy mô, diện tích thực hiện. UBND các huyện cũng đã tập trung chỉ đạo triển khai nhân rộng mô hình trên địa bàn: Tập trung củng cố lại hoạt động của các HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 (củng cố lại bộ máy quản lý, phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh...), hỗ trợ các HTX đầu tư máy móc thực hiện cơ giới hóa đồng bộ; có cơ chế ưu tiên mời gọi các doanh nghiệp thực hiện liên kết bao tiêu sản phẩm; phát triển các chuỗi sản phẩm bền vững mà HTX là cầu nối giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2016 - 2020, từ nguồn kinh phí từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; đã triển khai xây dựng 12 mô hình phát triển sản xuất thông qua HTX, với tổng kinh phí thực hiện là 5.076 triệu đồng; trong đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ 3.350 triệu đồng, các HTX đối ứng 1.726 triệu đồng. Tập trung vào việc phát triển mạnh liên kết bao tiêu sản phẩm theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp, mang tính phục vụ cộng đồng và các sản phẩm đặc trưng của địa phương gắn với mô hình mỗi xã một sản phẩm.

Nhìn chung, sau 5 năm triển khai thực hiện Đề án, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hướng dẫn, chỉ đạo chuyên ngành thường xuyên, liên tục của Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành có liên quan, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, bộ mặt của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến rõ rệt cả về lượng và chất, hiệu quả hoạt động của HTX được nâng lên, cách thức tổ chức hoạt động của các HTX cũng từng bước thay đổi theo hướng tăng tính tự chủ, tập trung vào phát triển các dịch vụ cạnh tranh, nhất là các HTX tham gia thí điểm xây dựng mô hình HTX kiểu mới; các mục tiêu cơ bản của Đề án đều đạt vượt mức: Phát triển thêm được 245 HTX nông nghiệp (*vượt 8,4% so với mục tiêu đề ra*), số HTX đạt loại khá, tốt là 59,1% (*mục tiêu của đề án là 55%*); 100% số HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012; triển khai xây dựng thành công 25 mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới theo Luật HTX năm 2012. Đã thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp của Đề án: Thường xuyên tuyên truyền, tổ chức học tập quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; rà soát, ban hành hướng dẫn các HTX nông nghiệp tổ chức chuyển đổi và đăng ký lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012; thực hiện củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX hoạt động chưa hiệu quả để đạt tiêu chí có hiệu quả; duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX hoạt động

có hiệu quả; hướng dẫn thành lập và tạo điều kiện cho các HTX mới thành lập hoạt động có hiệu quả; đồng thời, bố trí nguồn lực trực tiếp và lồng ghép nguồn vốn khác để thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đề án vẫn còn chỉ tiêu chưa đạt so với mục tiêu đề ra; đó là, cơ bản không còn HTX nông nghiệp hoạt động kém hiệu quả (hiện vẫn còn 21 HTX hoạt động yếu kém, chiếm 3% tổng số HTX nông nghiệp đang hoạt động); nguồn ngân sách còn hạn chế nên kinh phí bố trí để triển khai thực hiện các chính sách theo Đề án còn rất ít (mới bố trí được gần 40% kinh phí thực hiện xây dựng thí điểm các mô hình HTX kiểu mới; các chính sách khác chủ yếu lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để thực hiện).

2.9. Kết quả thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 04/6/2018 về thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn ở các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu và ban hành các văn bản hướng dẫn UBND các huyện, xã, các HTX và các cán bộ trẻ tham gia thí điểm tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung được phê duyệt trong Kế hoạch. Các HTX tham gia thí điểm đã tiến hành ký hợp đồng làm việc với các cán bộ trẻ, ngoài việc hỗ trợ lương cho 05 cán bộ về công tác tại các HTX, chương trình còn thực hiện hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình phát triển sản xuất cho các HTX với tổng vốn thực hiện là 11.173 triệu đồng, trong đó nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là 6.284 triệu đồng. Qua đó, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có khả năng phát huy năng lực trong thực hiện nhiệm vụ và triển khai mô hình, dự án; các HTX đã chủ động tích cực mở rộng quy mô đầu tư sản xuất như: đầu tư liên kết chăn nuôi gia cầm gắn với chuỗi giá trị; mở rộng, nâng cao sản xuất và chế biến nấm, hình thành chuỗi chế biến lúa gạo.

Ngoài những mô hình phát triển sản xuất được sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại HTX các cán bộ trẻ tham gia thí điểm đã có những đề xuất, sáng kiến các mô hình sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX: HTX dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Hưng Thịnh thực hiện mô hình sản xuất rau an toàn với diện tích 2,0 ha; HTX nông nghiệp và phát triển nông thôn Đông Phương Hồng thực hiện mở rộng mô hình mạ khay máy cấy; HTX dịch vụ nông nghiệp Xuân Lai thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp cây ngô ngọt, cây bí,... Các HTX tham gia thí điểm cũng đã chủ động trong việc liên kết với nhau cũng phát triển, điển hình như việc các HTX đã phối hợp hình thành chuỗi liên kết sản xuất nấm thương phẩm (HTX nông sản hữu cơ Trúc Phượng cung cấp nấm giống và bao tiêu toàn bộ nấm thương phẩm).

Có thể nhận thấy, việc tăng cường cán bộ trẻ về các HTX nông nghiệp là chủ trương đúng đắn thúc đẩy sự phát triển, tạo diện mạo mới cho các HTX tham gia thí điểm. Qua đó, các HTX có động lực vươn lên trong sản xuất, kinh

doanh có hiệu quả kinh tế thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng và tạo cơ hội cho các cán bộ trẻ có cơ hội thể hiện, phát huy năng lực, từ đó có tâm huyết với HTX. Đây cũng là mô hình khởi nghiệp với các sinh viên khi tiếp cận vào HTX. Các cán bộ trẻ tham gia thí điểm đã có cơ hội phát huy năng lực, gắn bó lâu dài, góp phần xây dựng HTX hoạt động hiệu quả.

Với việc hỗ trợ cả về nhân lực (*cán bộ trẻ*) và nguồn lực đầu tư (*thông qua các mô hình hỗ trợ*) đã giúp cho các HTX định hướng và triển khai được một số loại dịch vụ mới trong phương án sản xuất kinh doanh; các HTX sau khi tham gia thí điểm đã có những chuyển biến rõ nét trong kết quả sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận đạt được của các HTX đều tăng so với trước khi có cán bộ trẻ về làm việc. Các HTX đã có những bước đột phá trong việc ứng dụng công nghệ cao vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, việc hỗ trợ kích cầu của Nhà nước cũng tạo điều kiện tăng tài sản cố định của HTX, giúp các HTX tăng vốn sản xuất kinh doanh và mở rộng các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; gia tăng nguồn lực để đầu tư cho lĩnh vực hoạt động khác mở rộng quy mô đầu tư sản xuất. Từ đó, tạo cơ hội để tổ chức, hoạt động phù hợp với Luật HTX năm 2012; đồng thời, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX và tăng thu nhập của lao động trong HTX.

Tuy nhiên, số HTX được tham gia vào Kế hoạch và số cán bộ trẻ hỗ trợ về HTX còn rất ít (05 cán bộ trẻ/05 HTX), nên tác động đến bình diện chung về hiệu quả hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh chưa rõ ràng. Trong giai đoạn 2021 - 2025 cần tiếp tục đưa cán bộ trẻ có trình độ đại học về làm việc tại các HTX, nhằm tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao cho các HTX, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.10. Kết quả thực hiện Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 22/11/2018 về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 22/11/2018 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Sau 02 năm thực hiện Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, vị trí, ý nghĩa của HTX nông nghiệp được nâng cao. Đã triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp tỉnh, giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học về làm việc có thời hạn ở các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

giai đoạn 2018 - 2020 theo Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và thành viên HTX nhằm nâng cao năng lực quản trị, tổ chức sản xuất cho các HTX; hỗ trợ đào tạo nghề cho cán bộ quản lý và thành viên HTX theo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển sản phẩm đặc thù theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ HTX ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp theo Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, lồng ghép từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ 10 HTX nông nghiệp thực hiện mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, với tổng kinh phí hỗ trợ là 4.200 triệu đồng.

III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HTX NÔNG NGHIỆP

UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thanh Hóa do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban; chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể cho các sở, ngành, các địa phương: Cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh HTX là cơ quan thường trực tham mưu lĩnh vực HTX, Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp công tác quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp. Ở các huyện cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể để tập trung chỉ đạo khắc phục những hạn chế, yếu kém của các kinh tế tập thể, tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển như: thành lập mới các HTX nông nghiệp; định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình hoạt động của HTX để kịp thời giúp các HTX nông nghiệp giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Đến nay số HTX hoạt động có hiệu quả ở các huyện, thị xã, thành phố đều tăng lên đáng kể (*tăng 220 HTX nông nghiệp so với năm 2015*).

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho lĩnh vực kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm và hàng năm; tổ chức các hội nghị về mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và thành viên HTX nông nghiệp; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, HTX nông nghiệp.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn thanh niên đã ký kết chương trình phối hợp cùng Liên minh HTX tỉnh trong quá trình vận động phát triển kinh tế tập thể, HTX trong tỉnh. Phối hợp vận động, hướng dẫn xây dựng các mô hình HTX của phụ nữ, thanh niên,...

Các huyện đã tập trung chỉ đạo khắc phục những hạn chế, yếu kém của các HTX nông nghiệp, tạo điều kiện cho việc thành lập mới các HTX nông

nghiệp; định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình hoạt động của HTX để kịp thời giúp các HTX nông nghiệp giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Đến nay hầu hết các huyện, thị xã, thành phố đều có tỷ lệ HTX nông nghiệp khá tăng lên, HTX nông nghiệp yếu kém giảm đi.

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Đội ngũ cán bộ HTX còn yếu, thiếu cán bộ chuyên môn; trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý và người lao động trong HTX chưa đáp ứng yêu cầu để ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh, triển khai các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Năng lực nội tại của các HTX nông nghiệp còn yếu, thiếu nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh; cơ sở hạ tầng của đa số HTX còn thấp kém, nhiều HTX chưa có trụ sở làm việc, khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm, thiếu trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất. Hệ thống kết cấu hạ tầng, thủy lợi, cơ sở sản xuất, dịch vụ, chế biến, bảo quản nông sản... chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nên khó hình thành được những vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn.

- Chính sách khuyến khích hỗ trợ kinh tế tập thể tuy được ban hành tương đối đầy đủ từ Trung ương đến địa phương; song, do hạn chế về nguồn kinh phí nên công tác triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ chưa đạt hiệu quả cao; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX đã được quan tâm nhưng kinh phí bố trí ít nên hạn chế số lượng tham gia; chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng chậm triển khai trong thực tế. Số lượng HTX được thụ hưởng chính sách rất ít, dự án quy mô nhỏ, làm hạn chế tiềm năng liên kết vùng, nâng cao quy mô và sức cạnh tranh cũng như hiệu quả khai thác của công trình hỗ trợ.

2. Nguyên nhân

- Đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn yếu, hoạt động điều hành của một số HTX còn mang tính kinh nghiệm truyền thống; một số thành viên còn thiếu trách nhiệm với HTX. Năng lực và khả năng tiếp cận với các nguồn lực của các HTX còn hạn chế, việc lập phương án sản xuất kinh doanh và tài sản bảo đảm vay vốn ở một số HTX chưa đáp ứng yêu cầu, nên các HTX đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ còn thấp.

- Nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp còn ít nên hiệu quả chưa cao. Chính sách về hỗ trợ tín dụng thủ tục vay vốn vẫn còn phức tạp, khó tiếp cận đối với các HTX; chính sách phát triển hạ tầng đã được đầu tư nhưng chủ yếu là đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; việc nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến có ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi giá trị còn ít do thiếu nguồn vốn hỗ trợ.

- Nhận thức về vị trí, vai trò của một số ngành, địa phương về kinh tế tập thể, HTX trong nền kinh tế thị trường chưa đầy đủ. Công tác quản lý nhà nước đã được sắp xếp, nhưng cán bộ các cấp từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm, một số chính quyền can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của

HTX, từ đó làm mất tính tự chủ, năng động, sáng tạo của HTX.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong giai đoạn 2016 – 2020, các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển khá ổn định, số lượng HTX tăng theo từng năm, phát triển đa dạng về lĩnh vực, ngành nghề, chất lượng hoạt động được nâng lên. Các HTX từng bước hoạt động đúng bản chất, ngày càng tập trung hơn vào việc hỗ trợ kinh tế hộ thành viên thông qua cung cấp các dịch vụ, việc làm cho thành viên; thực hiện tốt chức năng là “bà đỡ” cho kinh tế hộ phát triển: Đưa giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng, giá trị cao vào sản xuất, thực hiện tốt các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, là đầu mối quan trọng gắn kết hộ nông dân với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản...; công tác tổ chức, quản lý HTX được củng cố và nâng lên một bước; tư duy, cách thức vận hành, hoạt động của bộ máy cán bộ quản lý HTX được đổi mới; xuất hiện nhiều HTX hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển HTX đã có những tác động tích cực đến việc phát triển HTX nông nghiệp của tỉnh. Nhiều HTX đã được đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị (sân phơi, nhà kho, mua sắm máy cày, máy sấy, máy gặt đập liên hợp, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất),... đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp, tạo thuận lợi cho HTX thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, liên doanh liên kết, giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, tạo được sự gắn kết giữa đầu tư cơ sở vật chất của HTX với quá trình xây dựng nông thôn mới; nguồn nhân lực HTX ngày càng trẻ hóa, có trình độ và năng lực quản trị.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN, Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 – 2025

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Một là, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả để đạt tiêu chí có hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp đang hoạt động hiệu quả và HTX mới thành lập.

Hai là, phát triển HTX nông nghiệp phải dựa vào nội lực của HTX là chính, nhà nước hỗ trợ về mặt thể chế, cơ chế chính sách và một phần ngân sách nhằm tạo điều kiện cho HTX nông nghiệp phát triển.

Ba là, ưu tiên hỗ trợ phát triển các HTX nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị trong nông nghiệp: Các HTX nông nghiệp chuyên sâu gắn với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn; các HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; các HTX tiêu thụ nông sản và các HTX sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gắn với sản phẩm OCOP của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp cả về quy mô và chất lượng hoạt động, trong đó đặc biệt chú trọng đến nâng cao chất lượng hoạt động, hỗ trợ thành viên thông qua việc nâng cao nhận thức nhân dân về kinh tế tập thể, HTX; đồng thời, tăng cường năng lực của các HTX nông nghiệp để phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác, hỗ trợ thành viên và cộng đồng khu vực; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thành viên và người lao động trong HTX.

Tập trung phát triển các HTX chuyên ngành gắn với chuỗi giá trị trong nông nghiệp: Các HTX nông nghiệp chuyên sâu gắn với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn; các HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản và các HTX sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gắn với sản phẩm OCOP của tỉnh; đẩy mạnh phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp - HTX - hộ nông dân gắn với liên kết 5 nhà trong sản xuất nông nghiệp (nhà nông - nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà băng).

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thành lập mới 81 HTX nông nghiệp, thu hút thêm khoảng 8.100 thành viên tham gia;

- 100% số HTX nông nghiệp tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012;

- 80% số HTX hoạt động từ loại khá trở lên và cơ bản không còn HTX hoạt động yếu kém; 100% cán bộ quản lý HTX đều qua đào tạo với số cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 55%, số cán bộ có trình độ sơ, trung cấp chiếm 45%;

- Doanh thu, lợi nhuận bình quân của HTX tăng 5% so với năm liền kề trước đó;

- 80% số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể khác để tiêu thụ sản phẩm; 34 HTX phát triển chuyên sâu theo từng lĩnh vực; 91 HTX có sản phẩm OCOP;

- Xây dựng 86 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững (đối với 11 huyện miền núi: 02 mô hình/huyện; các huyện còn lại: 04 mô hình/huyện).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức tuyên truyền, học tập quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế hợp tác

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới, phát triển HTX theo Luật HTX năm 2012 đối với hệ thống cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và toàn xã hội nhằm thúc đẩy mạnh mẽ việc phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trong thời gian tới với nội dung và phương thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng. Tiếp tục tuyên truyền đến các thành viên HTX và người dân về các quy định, chủ trương, chính sách pháp luật của Trung ương và tỉnh đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp; mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, để nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên HTX, người dân và triển khai các chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Đề án đã đề ra. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp ban hành Kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu của Đề án.

2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế nông thôn

Tập trung đẩy mạnh phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020; Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 28/2/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chương trình trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025; từ đó, tạo điều kiện xuất hiện nhu cầu hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Xây dựng và triển khai kế hoạch củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả để đạt tiêu chí có hiệu quả

Tập trung rà soát tình hình hoạt động và những khó khăn, vướng mắc của 221 HTX nông nghiệp trung bình, yếu và 65 HTX mới thành lập; từ đó có các

biện pháp cụ thể giúp các HTX nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đạt tiêu chí hiệu quả, theo hướng:

- Hướng dẫn các HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó đẩy mạnh chuyển đổi phương thức hoạt động từ dịch vụ đầu vào sang sản xuất hàng hóa, đưa giống mới có năng suất, chất lượng tốt vào sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn và kết nối sản xuất gắn với tiêu thụ ổn định.

- Tập trung chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị, sản xuất cho cán bộ quản lý HTX và thành viên thông qua đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo nghề, thí điểm đưa cán bộ HTX và thành viên HTX đi làm việc ở nước ngoài.

- Kết nối với các doanh nghiệp thực hiện liên kết với HTX để đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ để HTX vay vốn tín dụng và tiếp cận được với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, nhất là tiếp cận Quỹ phát triển HTX và Quỹ hỗ trợ phát triển kinh tế của Hội nông dân để phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tổ chức sản xuất.

- Tạo điều kiện cho các HTX tham gia hoạt động một số dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng nông thôn mới như: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi; nước sinh hoạt nông thôn, bảo vệ môi trường, chợ nông thôn, ngành nghề nông thôn để các HTX tăng thêm việc làm và thu nhập cho các thành viên.

4. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp đang hoạt động hiệu quả

Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của 413 HTX nông nghiệp đang hoạt động có hiệu quả; cụ thể:

- Hướng dẫn và hỗ trợ các HTX rà soát, nâng cao chất lượng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó tập trung vào các nội dung: Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, lựa chọn cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao đưa vào sản xuất; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, công nghệ cao, sản xuất hữu cơ.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, sản xuất cho cán bộ và thành viên HTX.

- Tạo điều kiện cho các HTX vay vốn vay tín dụng và tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất.

- Quan tâm hỗ trợ xây dựng các mô hình sơ chế, đóng gói, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu hàng hoá để nâng cao giá trị sản phẩm, tạo thị trường đầu ra ổn định, định hướng cho các hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông sản.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết với doanh nghiệp. Phát huy vai trò đầu tàu của các HTX đang phát triển mạnh để hỗ trợ các HTX khác cùng liên kết, hợp tác với doanh nghiệp và tiêu thụ nông sản có hiệu quả.

5. Phát triển và tạo điều kiện cho 81 HTX nông nghiệp mới thành lập hoạt động có hiệu quả

- Lựa chọn các sản phẩm chủ lực của từng vùng, từng địa phương để thúc đẩy thành lập các HTX chuyên sâu nhằm tổ chức lại sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tạo ra lợi thế cạnh tranh cao cho các sản phẩm của địa phương.

- Cùng cố các HTX đã có và phát triển thành lập mới các HTX nông nghiệp gắn với sản phẩm đặc trưng làng, xã theo lợi thế của từng vùng; các HTX áp dụng sản xuất theo hướng công nghệ cao, mô hình sản xuất cây, con đặc sản... theo hướng tạo ra giá trị gia tăng cao trong sản xuất. Ưu tiên các doanh nghiệp liên kết với HTX để tổ chức sản xuất, liên kết với nông dân để thành lập HTX nhằm tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp, đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức quản lý vào sản xuất.

- Trên cơ sở “Chương trình mỗi xã một sản phẩm”, lựa chọn những sản phẩm đặc thù cho làng xã ở các vùng để vận động thành lập các HTX nông nghiệp gắn với sản phẩm OCOP của địa phương: Lựa chọn các Tổ hợp tác đang hoạt động có hiệu quả để vận động nâng lên HTX hoạt động có hiệu quả; vận động những chủ trang trại có quy mô sản xuất tương đối lớn để tuyên truyền, vận động cùng nhau thành lập HTX. Đối với các sản phẩm sản xuất ở nhiều nông hộ thì tập trung vận động những người nông dân và người lao động sản xuất giỏi (có thể là các trưởng thôn, bản) có kinh nghiệm, uy tín đối với cộng đồng để đứng ra làm sáng lập viên thành lập HTX.

6. Thúc đẩy ứng dụng Công nghệ thông tin trong HTX nông nghiệp

- Lựa chọn các giải pháp chuyển đổi số phù hợp để thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số trong các HTX nhằm chuyển đổi trong quản lý, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

- Nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình HTX nông nghiệp chuyển đổi số để hỗ trợ và nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

7. Phát huy vai trò hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế hộ của HTX

Tiếp tục phát huy tốt vai trò của các HTX nông nghiệp là “bà đỡ” hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển bằng việc thực hiện tốt các dịch vụ như: Thủy lợi, sản xuất, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, cung ứng vật tư, khuyến nông, làm đất, bảo vệ thực vật, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, thể hiện vai trò vừa dẫn dắt, vừa lôi kéo kinh tế hộ cá thể vào HTX; hướng người nông dân vào HTX kiểu mới để sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, có giá trị gia tăng, hướng đến xuất khẩu.

8. Giải pháp về cơ chế, chính sách đối với HTX nông nghiệp

8.1. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương

a) Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể

Căn cứ khoản 2 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ quản lý và thành viên HTX nông nghiệp; cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể cấp huyện.

- Điều kiện hỗ trợ: Được cử đi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị.

- Nội dung hỗ trợ: Chi phí đi lại, mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo quy định của chế độ tài chính hiện hành và bảo hiểm (nếu có).

- Số lượng tham gia: 4.950 lượt người.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ *Đối với cán bộ quản lý và thành viên HTX*: Ngân sách Trung ương đảm bảo 100% chi phí đi lại, tổ chức lớp học, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát và mua tài liệu học tập; 90% chi phí ăn, ở trong quá trình tham gia lớp bồi dưỡng;

+ *Đối với cán bộ làm công tác quản lý nhà nước cấp huyện, xã*: Ngân sách Trung ương đảm bảo 100% chi phí đi lại, tổ chức lớp học, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát và mua tài liệu học tập; chi phí ăn, ở trong quá trình tham gia lớp bồi dưỡng.

+ Tổng kinh phí: 15.920 triệu đồng.

b) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Căn cứ khoản 4 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ: HTX nông nghiệp sản xuất ra sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, sản phẩm OCOP.

- Nội dung hỗ trợ: Kinh phí chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Số lượng tham gia: 75 HTX.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

- + Ngân sách trung ương hỗ trợ 100%;
- + Tổng kinh phí: $75 \text{ HTX} \times 200 \text{ triệu đồng/HTX} = 15.000 \text{ triệu đồng}$.

c) Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

Căn cứ khoản 5 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Điều kiện hỗ trợ:

+ HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, có tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành;

+ HTX căn cứ vào nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi chính quyền địa phương nơi HTX tổ chức sản xuất, kinh doanh; hàng năm, UBND cấp huyện tổng hợp nhu cầu hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định;

+ Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm phải phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của thành viên, được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp (bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).

+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của HTX nông nghiệp trên biển.

- Số lượng tham gia: 115 HTX.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ 2.400 triệu đồng cho 01 HTX (tương đương 80% tổng kinh phí của dự án, 20% còn lại là đối ứng của HTX).

- + Tổng kinh phí hỗ trợ: 276.000 triệu đồng.

8.2. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh

a) Hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp

Căn cứ khoản 1 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng hỗ trợ: Người dân có nhu cầu thành lập HTX.

- Nội dung hỗ trợ: Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX. Hỗ trợ, tư vấn xây dựng điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh cho HTX.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách tỉnh đảm bảo 100%;

+ Tổng kinh phí: $81 \text{ HTX} \times 20 \text{ triệu đồng/HTX} = 1.620 \text{ triệu đồng}$.

b) Chính sách đất đai

- Tập trung hỗ trợ các HTX nông nghiệp được tiếp cận chính sách đất đai, đến năm 2025 có 100% HTX nông nghiệp được thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ các HTX nông nghiệp tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn theo Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 11/01/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát hiện trạng sử dụng đất của các HTX nông nghiệp trên địa bàn, đối với các HTX chưa có trụ sở làm và các HTX thành lập mới, để cập nhật nhu cầu sử dụng đất vào Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, làm cơ sở thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững

- Đối tượng hỗ trợ: Các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ: HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến sản phẩm, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững.

- Số lượng tham gia: 86 HTX.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ 750 triệu đồng/mô hình;

+ Tổng kinh phí: $86 \text{ mô hình} \times 750 \text{ triệu đồng/mô hình} = 64.500 \text{ triệu đồng}$.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

- Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT:	15.920 triệu đồng;
+ Bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX:	12.480 triệu đồng;
+ Bồi dưỡng thành viên HTX:	2.495 triệu đồng;
+ Bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT:	945 triệu đồng.
<i>Trong đó:</i> Ngân sách Trung ương:	15.920 triệu đồng.
- Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường:	15.000 triệu đồng.
<i>Trong đó:</i> Ngân sách Trung ương:	15.920 triệu đồng.
- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm:	345.000 triệu đồng.
<i>Trong đó:</i> + Ngân sách Trung ương:	276.000 triệu đồng;
+ HTX đối ứng:	69.000 triệu đồng.
- Thành lập mới HTX nông nghiệp:	1.620 triệu đồng.
<i>Trong đó:</i> Ngân sách tỉnh:	1.620 triệu đồng.
- Xây dựng mô hình:	81.700 triệu đồng;
<i>Trong đó:</i> + Ngân sách tỉnh:	64.500 triệu đồng;
+ HTX đối ứng:	17.200 triệu đồng.

Tổng kinh phí: 459.240 triệu đồng (Bốn trăm năm mươi chín tỷ, hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

<i>Trong đó:</i> - Ngân sách nhà nước:	373.040 triệu đồng;
+ Ngân sách Trung ương:	306.920 triệu đồng;
+ Ngân sách tỉnh:	66.120 triệu đồng.
- HTX đối ứng:	86.200 triệu đồng.

Phân nguồn từng năm:

- Năm 2021: 91.518 triệu đồng;	- Năm 2022: 92.488 triệu đồng;
- Năm 2023: 91.718 triệu đồng;	- Năm 2024: 91.758 triệu đồng;
- Năm 2025: 91.758 triệu đồng.	

(chi tiết tại Phụ biểu 8a, 8b)

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch và kinh phí hỗ trợ các địa phương thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, cán bộ quản lý và thành viên HTX; tổ chức học tập các mô hình HTX liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, HTX ứng dụng công nghệ cao và HTX phát triển các sản phẩm OCOP.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn các HTX nông nghiệp và chỉ đạo xây dựng mô hình phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX tại các huyện. Đến hết năm 2025 tổng kết rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn các HTX nông nghiệp để hỗ trợ kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

- Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện các công việc được giao; chủ trì tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ vào đối tượng, tiêu chí, định mức theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Đề án theo quy định và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

3. Liên minh HTX tỉnh: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý và thành viên HTX theo chương trình khung của Liên minh HTX Việt Nam; đào tạo nguồn nhân lực lâu dài cho HTX; hỗ trợ các HTX tham gia hội chợ xúc tiến thương mại hàng năm do Liên minh HTX Việt Nam tổ chức; tư vấn thành lập mới và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả cho các HTX; hỗ trợ các HTX nông nghiệp vay vốn từ Quỹ hỗ trợ quốc gia việc làm, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Trung ương và tỉnh.

4. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Đề án đã được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan thẩm định dự toán chi tiết kinh phí thực hiện hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Đồng thời, hướng dẫn các HTX nông nghiệp thực hiện đúng các quy định về tài chính, kế toán.

5. Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện các chính sách hỗ trợ các HTX nông nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh. Hỗ trợ HTX nông nghiệp tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các HTX nông nghiệp lập hồ sơ thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng trụ sở làm việc; mở rộng diện tích đất thuê theo quy định.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn các HTX nông nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm, bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; triển khai có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ đối với các HTX nông nghiệp.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân trên địa bàn tỉnh về mục đích, ý nghĩa và các nội dung nhiệm vụ của Đề án. Phối hợp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hướng dẫn, thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của HTX nông nghiệp.

9. Sở Tư pháp: Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật HTX đối với các HTX nông nghiệp; giúp đỡ các địa phương về công tác tổ chức, công tác quản lý nhà nước để đảm bảo các HTX nông nghiệp được vận hành theo đúng Luật HTX.

10. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện Đề án.

11. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa: Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai thực hiện các chính sách tín dụng đối với HTX, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp tiếp cận nguồn vốn, mở rộng sản xuất. Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, đảm bảo an toàn, lành mạnh.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền đến các thành viên HTX và Nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế tập thể; mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Đề án Phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, đề nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên HTX, người dân và triển khai các chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Đề án đã đề ra.

- Tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng các HTX nông nghiệp, chậm nhất 31/12/2021 phải giải thể xong các HTX nông nghiệp đã dừng hoạt động; xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn, giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp đặc thù của địa phương.

- Chủ động kêu gọi xúc tiến đầu tư, nhất là kêu gọi xúc tiến các doanh nghiệp liên kết với HTX để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; lồng ghép các cơ chế, chính sách để thu hút doanh nghiệp liên kết với HTX.

- Hướng dẫn và chỉ đạo các phòng ban chuyên môn và UBND các xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của Luật HTX năm 2012, tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp tự chủ trong việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, đảm bảo cân đối thu - chi.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý tồn tại liên quan đến hoạt động của HTX: Thực hiện việc thống kê đúng, đủ, kịp thời các chỉ tiêu về phát triển kinh tế tập thể, HTX, đánh giá và phân loại đúng thực trạng hoạt động của HTX; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT.

13. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Thanh Hóa và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia có hiệu quả vào quá trình phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp; tham gia tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTX, xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả, mô hình thanh niên khởi nghiệp trong phát triển HTX; tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

14. Đề nghị các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; thường xuyên cập nhật, dành thời lượng thỏa đáng để đưa tin về các mô hình tốt, các điển hình tiên tiến, đề kịp thời động viên, khuyến khích học tập các mô hình, các điển hình trong phát triển HTX nông nghiệp./.

Phụ biểu 1: Thông tin chung về HTX nông nghiệp

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Số HTX năm 2020	Trong đó:			Tổng số thành viên HTX đang HĐ	Tổng số lao động thường xuyên	Đánh giá, phân loại HTX					HTX không tiến hành xếp loại
			Thành lập mới	Tạm dừng hoạt động	Số HTX đang hoạt động			Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	HTX chưa đủ điều kiện xếp loại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Huyện Thọ Xuân	49	2	0	49	13.821	824	17	24	6	0	2	0
2	Huyện Đông Sơn	21	1	1	20	454	315	1	13	5	0	1	1
3	Huyện Nông Cống	47	2	0	47	4.479	2.001	21	21	3	0	2	0
4	Huyện Triệu Sơn	45	2	6	39	1.580	260	17	20	0	0	2	6
5	Huyện Quảng Xương	30	3	0	30	600	150	12	15	0	0	3	0
6	Huyện Hà Trung	30	0	2	28	1.750	373	0	15	11	2	0	2
7	Huyện Nga Sơn	27	0	0	27	840	725	3	6	15	3	0	0
8	TP. Thanh Hóa	36	8	8	28	607	607	1	3	16	0	8	8
9	TP.Sầm Sơn	11	1	4	7	134	134	0	1	5	0	1	4
10	TX. Bỉm Sơn	9	1	4	5	40	12	0	0	4	0	1	4
11	Huyện Thiệu Hóa	37	0	0	37	2.363	2.363	2	15	20	0	0	0
12	Huyện Yên Định	42	5	2	40	3.271	1.038	3	28	4	0	5	2
13	Huyện Hoằng Hóa	54	0	0	54	3.490	3.490	5	22	27	0	0	0
14	Huyện Hậu Lộc	27	0	0	27	8.939	220	5	22	0	0	0	0
15	TX. Nghi Sơn	19	4	0	19	437	133	0	8	7	0	4	0
16	Huyện Vĩnh Lộc	31	4	2	29	11.914	178	12	13	0	0	4	2
17	Huyện Thạch Thành	37	5	0	37	11.455	1.248	8	15	9	0	5	0
18	Huyện Cẩm Thủy	24	3	1	23	1.034	377	3	9	7	1	3	1
19	Huyện Ngọc Lặc	28	3	0	28	285	378	8	7	10	0	3	0
20	Huyện Như Xuân	30	5	0	30	781	1.090	5	10	10	0	5	0

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Số HTX năm 2020	Trong đó:			Tổng số thành viên HTX đang HĐ	Tổng số lao động thường xuyên	Đánh giá, phân loại HTX					HTX không tiến hành xếp loại
			Thành lập mới	Tạm dừng hoạt động	Số HTX đang hoạt động			Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	HTX chưa đủ điều kiện xếp loại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
21	Huyện Như Thanh	29	5	2	27	397	459	0	4	18	0	5	2
22	Huyện Thường Xuân	30	4	4	26	390	150	3	5	10	4	4	4
23	Huyện Lang Chánh	11	0	1	10	123	140	0	0	0	10	0	1
24	Huyện Bá Thước	21	7	3	18	276	191	4	4	2	1	7	3
25	Huyện Quan Hóa	2	0	0	2	51	85	0	1	1	0	0	0
26	Huyện Quan Sơn	12	0	0	12	171	171	0	2	10	0	0	0
27	Huyện Mường Lát	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	5
Tổng cộng		744	65	45	699	69.682	17.112	130	283	200	21	65	45
Bình quân/HTX						100	24	18,6	40,5	28,6	3,0	9,3	

Phụ biểu 2: Đất đai của các HTX nông nghiệp đang hoạt động trên địa bàn năm 2020

(ĐVT: m²)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích đất được cấp GCNQSD					Diện tích đất đang thuê, mượn						
		Tổng số	Đất làm trụ sở		Đất làm cửa hàng, nhà kho, sân phơi		Tổng số	Đất làm trụ sở		Đất làm cửa hàng, nhà kho, sân phơi		Đất sản xuất	
			Số HTX	Diện tích	Số HTX	Diện tích		Số HTX	Diện tích	Số HTX	Diện tích	Số HTX	Diện tích
1	Huyện Thọ Xuân	10.949	3	1.467	2	9.483	3.171.943	27	5.619	19	31.675	14	3.134.649
2	Huyện Đông Sơn	1.200	2	500	1	700	9.347	10	1.237	5	2.610	2	5.500
3	Huyện Nông Cống						54.500	16	4.700	6	7.800	2	42.000
4	Huyện Triệu Sơn	860	1	780	1	80	56.690	7	7.890	8	5.300	4	43.500
5	Huyện Quảng Xương	3.413	4	2.413	1	1.000	47.534	9	1.910	4	4.500	6	41.124
6	Huyện Hà Trung						3.317	29	1.611	9	1.381	4	325
7	Huyện Nga Sơn	4.972	17	4.972									
8	TP. Thanh Hóa						223.277	20	1.675	8	6.124	6	215.478
9	TP.Sầm Sơn	800	3	200	3	600	181.070	3	150.170	2	900	1	30.000
10	TX. Bim Sơn						1.112	1	1.032	1	80		
11	Huyện Thiệu Hóa	550	2	550			304.531	16	2.186	10	2.291	3	300.054
12	Huyện Yên Định												
13	Huyện Hoằng Hóa	728	3	240	3	488	153.778	36	5.652	22	8.706	14	139.420
14	Huyện Hậu Lộc						7.240	26	2.590	17	2.050	2	2.600
15	Huyện Tĩnh Gia												
16	Huyện Vĩnh Lộc	7.479	4	470	4	7.009	503.427	21	4.628	8	5.875	9	492.924
17	Huyện Thạch Thành	4.113	2	236	2	3.877	5.135	24	2.199	2	56	2	2.880
18	Huyện Cẩm Thủy												
19	Huyện Ngọc Lặc						6.761.625	3	325	2	2.000	22	6.759.300
20	Huyện Như Xuân						357.380	25	2.580			8	354.800

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích đất được cấp GCNQSD					Diện tích đất đang thuê, mượn						
		Tổng số	Đất làm trụ sở		Đất làm cửa hàng, nhà kho, sân phơi		Tổng số	Đất làm trụ sở		Đất làm cửa hàng, nhà kho, sân phơi		Đất sản xuất	
			Số HTX	Diện tích	Số HTX	Diện tích		Số HTX	Diện tích	Số HTX	Diện tích	Số HTX	Diện tích
21	Huyện Như Thanh	2.550	1	750	1	1.800	142.632	6	5.119	6	8.090	6	129.423
22	Huyện Thường Xuân						108.970	23	1.670	5	2.300	7	105.000
23	Huyện Lang Chánh												
24	Huyện Bá Thước	100	1	50	1	50	20.000					1	20.000
25	Huyện Quan Hóa	120	2	120			240			2	240		
26	Huyện Quan Sơn												
27	Huyện Mường Lát												
Tổng cộng		37.834	45	12.748	19	25.087	12.113.748	302	202.793	136	91.978	113	11.818.977

Phụ biểu 3a: Tình hình hoạt động dịch vụ của các HTX nông nghiệp đang hoạt động

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Các hoạt động dịch vụ							Hình thức hoạt động		
		Tổng số DV	Thuỷ lợi	Vật tư NN	Giống	Làm đất	Tiêu thụ sản phẩm	Khác	Trực tiếp sản xuất	Chỉ làm dịch vụ	Vừa SX vừa DV
1	Huyện Thọ Xuân	228	45	49	49	18	39	28	3	23	23
2	Huyện Đông Sơn	86	20	15	16	4	20	11	1	12	7
3	Huyện Nông Cống	205	35	45	45	22	32	26	2	43	2
4	Huyện Triệu Sơn	165	31	32	28	20	32	22	4	30	5
5	Huyện Quảng Xương	134	26	28	26	6	25	23	1	20	9
6	Huyện Hà Trung	126	25	24	21	17	24	15	2	22	4
7	Huyện Nga Sơn	129	27	25	25	15	23	14		27	
8	TP. Thanh Hóa	111	17	16	16	22	14	26		17	11
9	TP.Sầm Sơn	23	4	5	7	3	3	2		3	4
10	TX. Bim Sơn	14	3	2	3	2	2	2		4	1
11	Huyện Thiệu Hóa	150	34	32	28	15	26	15		19	18
12	Huyện Yên Định	173	35	30	32	21	28	27		8	32
13	Huyện Hoằng Hóa	246	49	43	43	28	40	43	3	28	23
14	Huyện Hậu Lộc	108	26	23	23	7	17	12			27
15	TX. Nghi Sơn	69	12	19	12	4	12	10	2	7	10
16	Huyện Vĩnh Lộc	133	29	27	27	16	21	13	5	13	11
17	Huyện Thạch Thành	155	33	28	28	17	29	20		27	10
18	Huyện Cẩm Thủy	90	18	16	17	11	13	15		18	5
19	Huyện Ngọc Lặc	125	18	28	28	21	15	15	5	5	18
20	Huyện Như Xuân	104	20	18	20	7	21	18		3	27
21	Huyện Như Thanh	95	20	19	17	13	12	14	1	15	11
22	Huyện Thường Xuân	124	22	24	24	17	18	19		3	23
23	Huyện Lang Chánh	34	9	11	8	0	4	2	1	8	1

Phụ biểu 3b: Thống kê số hoạt động dịch vụ của các HTX nông nghiệp đang hoạt động

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng cộng	Số khâu hoạt động dịch vụ của HTX nông nghiệp											
			1 DV	2 DV	3 DV	4 DV	5 DV	6 DV	7 DV	8 DV	9 DV	10 DV	11 DV	12 DV
1	Huyện Thọ Xuân	328	2	3	11	13	15	2	2	1				
2	Huyện Đông Sơn	120		2	6	4	1	3	4					
3	Huyện Nông Cống	273	2	4	17	13	3	4	1	1	2			
4	Huyện Triệu Sơn	203	0	3	16	5	7	5	2	1				
5	Huyện Quảng Xương	153	1	5	7	11	2	4						
6	Huyện Hà Trung	134	4	3	7	5	6	2	1					
7	Huyện Nga Sơn	124		2	2	6	5	2	3	4	3			
8	TP. Thanh Hóa	126	3	5	8	8	1	3						
9	TP.Sầm Sơn	29	1	1	1	3	1							
10	TX. Bỉm Sơn	21	2		1	1	1							
11	Huyện Thiệu Hóa	226	2	5	7	8	9	2	3	0	1			
12	Huyện Yên Định	252		1		10	12	9	2	4	1	1		
13	Huyện Hoằng Hóa	313	0	7	8	15	11	6	2	5				
14	Huyện Hậu Lộc	154		1		3	9	4	6	3	1			
15	TX. Nghi Sơn	80	3	4	6	2	1		3					
16	Huyện Vĩnh Lộc	180	2		8	12	4	1	1	1				
17	Huyện Thạch Thành	159	1	8	12	6	6	1	1	1	1			
18	Huyện Cẩm Thủy	94		2	7	5	2	4	2		1			
19	Huyện Ngọc Lặc	143	1	2	5	10	3	2	4					1
20	Huyện Như Xuân	86	3	5	15	4	2	1						
21	Huyện Như Thanh	143	2	3	6	9	4	3						
22	Huyện Thường Xuân	114	1	3	8	4	6	2	1	1				
23	Huyện Lang Chánh	40	2	3	2	2	1							
24	Huyện Bá Thước	72	3	2	5	5	3							

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng cộng	Số khâu hoạt động dịch vụ của HTX nông nghiệp											
			1 DV	2 DV	3 DV	4 DV	5 DV	6 DV	7 DV	8 DV	9 DV	10 DV	11 DV	12 DV
25	Huyện Quan Hóa	8			1		1							
26	Huyện Quan Sơn	50	2	2	3	3	2							
27	Huyện Mường Lát	0	0											
Tổng cộng		3.625	37	76	169	167	118	60	38	22	10	1	0	1
Cơ cấu (%)			5,29	10,87	24,18	23,89	16,88	8,58	5,44	3,15	1,43	0,14	0,00	0,14

Phụ biểu 4: Cán bộ quản lý HTX nông nghiệp

TT	Huyện, thị xã, thành phố				Trình độ của cán bộ quản lý							
		Tổng	Trên 40 tuổi	Dưới 40 tuổi	Đại học/Cao đẳng		Trung cấp/Sơ cấp		Chứng chỉ		Chưa qua đào tạo	
					Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Huyện Thọ Xuân	208	161	47	31	15	52	25	35	17	90	43
2	Huyện Đông Sơn	88	73	15	39	44	49	56	0	0	0	0
3	Huyện Nông Cống	316	233	83	87	28	188	59	29	9	12	4
4	Huyện Triệu Sơn	156	124	32	20	13	56	36	38	24	42	27
5	Huyện Quảng Xương	135	96	39	30	22	75	56	30	22	0	0
6	Huyện Hà Trung	121	93	28	28	23	55	45	7	6	31	26
7	Huyện Nga Sơn	136	53	83	53	39	66	49	13	10	4	3
8	TP. Thanh Hóa	129	89	40	32	25	97	75	0	0	0	0
9	TP.Sầm Sơn	27	26	1	5	19	18	67	3	11	1	4
10	TX. Bim Sơn	21	19	2	3	14	18	86	0	0	0	0
11	Huyện Thiệu Hóa	197	159	38	37	19	40	20	66	34	54	27
12	Huyện Yên Định	185	98	87	42	23	92	50	51	28	0	0
13	Huyện Hoằng Hóa	330	230	100	82	25	248	75	0	0	0	0
14	Huyện Hậu Lộc	112	92	20	15	13	75	67	16	14	6	5
15	TX. Nghi Sơn	120	73	47	23	19	30	25	36	30	31	26
16	Huyện Vĩnh Lộc	179	151	28	20	11	62	35	82	46	15	8
17	Huyện Thạch Thành	150	104	46	45	30	50	33	27	18	28	19
18	Huyện Cẩm Thủy	94	33	61	84	89	7	7	0	0	3	3
19	Huyện Ngọc Lặc	152	98	54	28	18	40	26	56	37	28	18
20	Huyện Như Xuân	145	98	47	6	4	42	29	43	30	54	37
21	Huyện Như Thanh	100	47	53	41	41	36	36	0	0	23	23
22	Huyện Thường Xuân	180	114	66	90	50	30	17	60	33	0	0

TT	Huyện, thị xã, thành phố				Trình độ của cán bộ quản lý							
		Tổng	Trên 40 tuổi	Dưới 40 tuổi	Đại học/Cao đẳng		Trung cấp/Sơ cấp		Chứng chỉ		Chưa qua đào tạo	
					Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
23	Huyện Lang Chánh	47	14	33	17	36	23	49	7	15	0	0
24	Huyện Bá Thước	90	53	37	22	24	26	29	14	16	28	31
25	Huyện Quan Hóa	9	6	3	0	0	2	22		0	7	78
26	Huyện Quan Sơn	60	21	39	8	13	32	53	2	2	18	30
27	Huyện Mường Lát	0	0	0								
Tổng cộng		3.487	2.359	1.128	888	25,47	1.509	43,27	615	17,64	475	13,62
Cơ cấu (%)			67,65	32,35								

Phụ biểu 5: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020

ĐVT: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giá trị tài sản của HTX	Nguồn vốn của HTX		Doanh thu		Lợi nhuận		Thu nhập lao động (triệu đồng/người/năm)	
			Tổng số	Trong đó: Vốn Điều lệ	Năm 2016	Năm 2020	Năm 2016	Năm 2020	LĐ thường xuyên là thành viên HTX	LĐ thường xuyên nhưng không là thành viên
1	Huyện Thọ Xuân	106.512	49.411	9.099	33.750	115.689	4.387	8.869	18	16
2	Huyện Đông Sơn	34.074	18.065	7.427	16.490	25.620	1.821	4.440	27	25
3	Huyện Nông Cống	70.512	34.710	6.240	24.400	63.450	2.830	10.716	25	18
4	Huyện Triệu Sơn	69.967	6.023	2.352	17.560	42.081	2.654	5.616	31	0
5	Huyện Quảng Xương	53.300	25.508	19.955	32.521	48.000	2.992	6.900	30	25
6	Huyện Hà Trung	63.120	33.499	18.562	21.650	23.856	2.743	252	24	0
7	Huyện Nga Sơn	65.720	27.590	12.958	46.850	40.662	5.364	918	17	9
8	TP. Thanh Hóa	43.164	13.483	9.913	24.451	22.932	3.576	560	36	0
9	TP.Sầm Sơn	9.540	3.327	1.790	4.320	840	268	350	45	33
10	TX. Bỉm Sơn	7.280	1.903	500	2.200	500	88	200	24	18
11	Huyện Thiệu Hóa	69.967	20.695	4.028	58.157	64.750	6.514	2.146	21	15
12	Huyện Yên Định	76.680	32.040	14.832	56.590	100.000	4.923	2.600	29	26
13	Huyện Hoằng Hóa	109.080	20.194	13.490	45.300	63.180	3.533	12.690	48	36
14	Huyện Hậu Lộc	51.688	23.851	10.413	43.607	1.512	4.361	540	50	45
15	TX. Nghi Sơn	26.752	16.910	4.750	5.487	73.150	759	9.652	64	38
16	Huyện Vĩnh Lộc	52.920	28.994	18.179	26.290	62.350	3.129	16.095	16	16
17	Huyện Thạch Thành	58.740	7.972	8.661	42.500	79.772	5.058	4.773	24	0
18	Huyện Cẩm Thủy	27.654	4.883	2.483	13.498	31.671	2.018	4.531	30	26
19	Huyện Ngọc Lặc	35.293	30.293	24.560	13.268	87.836	1.940	7.952	45	38
20	Huyện Như Xuân	57.746	70.314	32.022	5.143	7.950	1.367	4.650	25	25

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giá trị tài sản của HTX	Nguồn vốn của HTX		Doanh thu		Lợi nhuận		Thu nhập lao động (triệu đồng/người/năm)	
			Tổng số	Trong đó: Vốn Điều lệ	Năm 2016	Năm 2020	Năm 2016	Năm 2020	LĐ thường xuyên là thành viên HTX	LĐ thường xuyên nhưng không là thành viên
21	Huyện Như Thanh	42.182	31.122	18.050	9.650	23.625	2.017	3.402	38	36
22	Huyện Thường Xuân	45.011	27.741	13.884	19.329	19.500	2.189	2.990	66	0
23	Huyện Lang Chánh	17.237	6.868	6.868	4.156	5.189	745	856	6	9
24	Huyện Bá Thước	27.370	22.680	15.749	6.650	14.058	446	3.294	75	43
25	Huyện Quan Hóa	1150	550	450	327	140	98	56	24	24
26	Huyện Quan Sơn	5.985	10.793	10.793	4.256	2.540	145	255	5	7
27	Huyện Mường Lát	320	120	50	1.950	0	56	0	0	0
Tổng cộng		1.228.964	569.539	288.058	580.350	1.020.853	66.019	115.303	843	529
Bình quân/HTX		1.758	815	412	1.049	1.460	119	165	32,4	20,4

Phụ biểu 6: Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực																
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	582			605			1.698			1.190			1.105		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đ	1.176	1.176		1.743	1.743		2.348	2.348		2.444	2.444		2.360	2.360	
	<i>Trong đó</i>																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr.đ	1.176	1.176		1.743	1.743		2.348	2.348		2.444	2.444		2.360	2.360	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr.đ															
2	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã																
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX							5			5			5		
	- Số cán bộ trẻ về làm việc tại HTX	Người							5			5			5		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đ							2.946	1.808	1.138	5.134	2.416	2.718	3.093	2.060	1.033
	<i>Trong đó</i>																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr.đ							1.808	1.808		2.416	2.416		2.060	2.060	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr.đ															
3	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường																
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX															
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đ															
	<i>Trong đó</i>																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr.đ															
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr.đ															
4	Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới																
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX							16	1.385							

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ biểu 7a: Chỉ tiêu phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Số lượng HTX đang hoạt động năm 2020	HTX thành lập mới					HTX hoạt động có hiệu quả					HTX thực hiện liên kết sản xuất				
			2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
1	Huyện Thọ Xuân	49	1	1	1	0	0	41	42	44	45	47	41	42	44	45	47
2	Huyện Đông Sơn	20	1	0	1	1	1	15	17	18	19	20	15	17	18	19	20
3	Huyện Nông Cống	47	0	0	1	0	1	43	45	45	46	47	43	45	45	46	47
4	Huyện Triệu Sơn	39	1	0	1	1	0	37	37	38	38	38	37	37	38	38	38
5	Huyện Quảng Xương	30	0	1	0	1	1	28	31	31	32	32	28	31	31	32	32
6	Huyện Hà Trung	28	1	0	1	0	1	16	18	19	22	25	16	18	19	22	25
7	Huyện Nga Sơn	27	1	1	0	1	0	23	24	24	25	25	23	24	24	25	25
8	TP. Thanh Hóa	28	1	0	1	1	1	6	7	10	12	13	6	7	10	12	13
9	TP. Sầm Sơn	7	0	0	0	0	1	4	4	4	4	5	4	4	4	4	5
10	TX. Bỉm Sơn	5	1	0	0	0	1	2	2	2	3	3	2	2	2	3	3
11	Huyện Thiệu Hóa	37	1	1	1	1	0	24	25	26	27	30	24	25	26	27	30
12	Huyện Yên Định	40	0	1	1	0	1	31	35	36	37	37	31	35	36	37	37
13	Huyện Hoằng Hóa	54	0	1	0	1	1	36	39	42	44	46	36	39	42	44	46
14	Huyện Hậu Lộc	27	0	1	1	1	0	27	27	28	29	30	27	27	28	29	30
15	TX. Nghi Sơn	19	1	0	0	1	1	9	10	11	13	15	9	10	11	13	15
16	Huyện Vĩnh Lộc	29	0	1	1	0	1	27	28	28	29	29	27	28	28	29	29
17	Huyện Thạch Thành	37	0	1	0	1	1	23	25	29	31	32	23	25	29	31	32
18	Huyện Cẩm Thủy	23	1	0	1	1	1	13	15	18	20	20	13	15	18	20	20
19	Huyện Ngọc Lặc	28	0	1	1	0	1	16	20	21	22	23	16	20	21	22	23
20	Huyện Như Xuân	30	0	1	0	1	1	16	20	22	23	25	16	20	22	23	25
21	Huyện Như Thanh	27	0	1	1	1	0	9	13	16	18	21	9	13	16	18	21
22	Huyện Thường Xuân	26	0	0	1	1	1	10	15	17	20	22	10	15	17	20	22
23	Huyện Lang Chánh	10	1	0	1	1	0	5	6	7	8	9	5	6	7	8	9

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Số lượng HTX đang hoạt động năm 2020	HTX thành lập mới					HTX hoạt động có hiệu quả					HTX thực hiện liên kết sản xuất				
			2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
24	Huyện Bá Thước	18	1	1	0	1	1	9	12	14	16	18	9	12	14	16	18
25	Huyện Quan Hóa	2	0	1	1	0	0	2	2	3	3	3	2	2	3	3	3
26	Huyện Quan Sơn	12	1	1	0	1	0	3	4	6	7	8	3	4	6	7	8
27	Huyện Mường Lát	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1
Tổng cộng		699	14	15	16	18	18	475	523	559	593	624	475	523	559	593	624

Phụ biểu 7b: Chỉ tiêu phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025

TT	Huyện, thị xã, thành phố	HTX ứng dụng công nghệ cao					HTX chuyên sâu theo lĩnh vực					HTX gắn với sản phẩm OCOP				
		2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
1	Huyện Thọ Xuân	10	11	12	14	18	1	1	1	2	2	1	3	4	5	5
2	Huyện Đông Sơn	2	3	4	6	9	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2
3	Huyện Nông Cống	6	8	10	12	17	1	1	1	1	2	3	3	4	5	6
4	Huyện Triệu Sơn	1	3	5	5	9	1	1	1	1	2	2	2	3	3	5
5	Huyện Quảng Xương	5	5	5	6	8	1	1	1	1	1	3	4	5	6	7
6	Huyện Hà Trung	1	1	2	3	6	1	1	1	1	1	2	3	3	3	3
7	Huyện Nga Sơn	2	2	3	4	7	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
8	TP. Thanh Hóa	2	3	4	5	8	0	0	0	1	1	1	2	3	4	5
9	TP. Sầm Sơn	1	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	TX. Bỉm Sơn	1	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Huyện Thiệu Hóa	4	6	7	10	12	1	1	1	1	2	1	1	2	2	3
12	Huyện Yên Định	6	8	11	14	16	1	1	1	1	1	2	2	3	4	5
13	Huyện Hoằng Hóa	5	7	9	11	15	1	1	1	1	1	3	4	6	8	10
14	Huyện Hậu Lộc	1	2	3	4	6	0	0	0	0	0	1	1	3	4	5
15	Thị xã Nghi Sơn	1	1	2	2	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Huyện Vĩnh Lộc	10	10	11	11	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
17	Huyện Thạch Thành	5	5	5	5	7	0	0	0	0	1	1	2	3	4	5
18	Huyện Cẩm Thủy	2	2	2	3	7	0	0	0	1	1	1	1	1	2	3
19	Huyện Ngọc Lặc	4	6	6	6	7	2	4	4	4	4	3	3	3	4	4
20	Huyện Như Xuân	3	4	5	6	8	5	5	6	6	7	2	2	2	2	2
21	Huyện Như Thanh	2	3	3	3	5	0	0	0	0	0	3	4	5	5	10
22	Huyện Thường Xuân	2	2	3	3	4	1	1	1	1	1	2	2	3	3	3
23	Huyện Lang Chánh	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	1	1	1	2
24	Huyện Bá Thước	2	3	3	3	5	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2

TT	Huyện, thị xã, thành phố	HTX ứng dụng công nghệ cao					HTX chuyên sâu theo lĩnh vực					HTX gắn với sản phẩm OCOP				
		2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
25	Huyện Quan Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Huyện Quan Sơn	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
27	Huyện Mường Lát	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	78	97	117	139	195	20	23	24	28	34	36	45	60	71	91

**Phụ biểu 8a: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động
HTX nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Tổng số	Trong đó			
					NSNN			HTX đối ứng
					Tổng số	NSTW	NS tỉnh	
	Tổng cộng			459.240	373.040	306.920	66.120	86.200
1	Thành lập mới HTX nông nghiệp	HTX	81	1.620	1.620		1.620	
2	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể	Người	4.950	15.920	15.920	15.920		
-	Cán bộ quản lý HTX nông nghiệp	Người	3.900	12.480	12.480	12.480		
-	Thành viên HTX nông nghiệp	Người	780	2.495	2.495	2.495		
-	Cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực Kinh tế tập thể	Người	270	945	945	945		
3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	HTX	75	15.000	15.000	15.000		
4	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm	HTX	115	345.000	276.000	276.000		69.000
5	Xây dựng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị	HTX	86	81.700	64.500		64.500	17.200

Phụ biểu 8b: Chi tiết kinh phí hỗ trợ phát triển, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
				Nguồn NSNN	HTX đối ứng		Nguồn NSNN	HTX đối ứng		Nguồn NSNN	HTX đối ứng		Nguồn NSNN	HTX đối ứng			
Tổng kinh phí			91.518	74.318	17.200	92.488	75.088	17.400	91.718	74.518	17.200	91.758	74.558	17.200	91.758	74.558	17.200
1	Thành lập mới HTX nông nghiệp		280	280		300	300		320	320		360	360		360	360	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	14			15			16			18			18		
	- Tổng kinh phí	Tr đồng	280	280		300	300		320	320		360	360		360	360	
	Trong đó																
	Ngân sách trung ương	Tr đồng															
	Ngân sách tỉnh	Tr đồng	280	280		300	300		320	320		360	360		360	360	
2	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể		3.088	3.088		3.088	3.088		3.248	3.248		3.248	3.248		3.248	3.248	
	- Tổng số người bồi dưỡng	Người	960			960			1.010			1.010			1.010		
	- Tổng kinh phí thực hiện	Tr đồng	3.088	3.088		3.088	3.088		3.312	3.312		3.312	3.312		3.312	3.312	
a	Cán bộ quản lý HTX nông nghiệp	Người	750			750			800			800			800		
	Tổng kinh phí	Tr đồng	2.400	2.400		2.400	2.400		2.560	2.560		2.560	2.560		2.560	2.560	
	Trong đó																
	Ngân sách trung ương	Tr đồng	2.400	2.400		2.400	2.400		2.560	2.560		2.560	2.560		2.560	2.560	
	Ngân sách tỉnh	Tr đồng															
b	Thành viên HTX	Người	156			156			156			156			156		
	Tổng kinh phí	Tr đồng	499	499		499	499		499	499		499	499		499	499	
	Trong đó																
	Ngân sách trung ương	Tr đồng	499	499		499	499		499	499		499	499		499	499	

[illegible]

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
				Nguồn NSNN	HTX đối ứng		Nguồn NSNN	HTX đối ứng		Nguồn NSNN	HTX đối ứng		Nguồn NSNN	HTX đối ứng		Nguồn NSNN	HTX đối ứng
5	Xây dựng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị		16.150	12.750	3.400	17.100	13.500	3.600	16.150	12.750	3.400	16.150	12.750	3.400	16.150	12.750	3.400
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	17			18			17			17			17		
	- Tổng kinh phí	Tr đồng	16.150	12.750	3.400	17.100	13.500	3.600	16.150	12.750	3.400	16.150	12.750	3.400	16.150	12.750	3.400
	<i>Trong đó</i>																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng															
	<i>Ngân sách tỉnh</i>	Tr đồng	12.750			13.500			12.750			12.750			12.750		